

# ĐIỀU LỆ

---

QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU VND

IPAAM

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN IPA | 2019

## MỤC LỤC

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ:	4
II. CÁC ĐỊNH NGHĨA	6
CHƯƠNG I	10
CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG	10
Điều 1. Tên và địa chỉ liên hệ	10
Điều 2. Mục đích của Quỹ	10
Điều 3. Thời hạn hoạt động của Quỹ	10
Điều 4. Nguyên tắc tổ chức	10
Điều 5. Tổng vốn huy động và số lượng Chứng chỉ Quỹ chào bán	11
Điều 6. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán Chứng chỉ Quỹ	11
Điều 7. Công Ty Quản Lý Quỹ	11
Điều 8. Ngân hàng giám sát	11
CHƯƠNG II	12
CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ	12
Điều 9. Mục tiêu đầu tư	12
Điều 10. Chiến lược đầu tư	12
Điều 11. Hạn chế đầu tư	14
Điều 12. Hạn mức vay	15
Điều 13. Phương pháp lựa chọn đầu tư	15
CHƯƠNG III	16
NHÀ ĐẦU TƯ, SỐ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ	16
Điều 14. Nhà đầu tư	16
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư	16
Điều 16. Số đăng ký nhà đầu tư	17
Điều 17. Giao dịch Chứng chỉ Quỹ	17
Điều 18. Mua lại một phần, tạm ngừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ	20
Điều 19. Giá bán/ giá phát hành, giá mua lại	22
Điều 20. Thừa kế Chứng chỉ Quỹ	23
CHƯƠNG IV	23
ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ	23
Điều 21. Đại hội Nhà đầu tư	23
Điều 22. Đại hội Nhà đầu tư bất thường	23
Điều 23. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội Nhà đầu tư	24
Điều 24. Điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại hội Nhà đầu tư	24
Điều 25. Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư	25
Điều 26. Phản đối quyết định của Đại hội Nhà đầu tư	26

CHƯƠNG V .....	27
BAN ĐẠI DIỆN QUỸ .....	27
Điều 27. Ban đại diện Quỹ .....	27
Điều 28. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện Quỹ .....	28
Điều 29. Quyền và nghĩa vụ của Ban đại diện Quỹ .....	28
Điều 30. Chủ tịch Ban đại diện Quỹ .....	29
Điều 31. Thủ tục điều hành của Ban đại diện Quỹ .....	29
Điều 32. Đình chỉ và bãi miễn thành viên Ban đại diện Quỹ .....	30
Điều 33: Cuộc họp Ban đại diện Quỹ .....	30
CHƯƠNG VI .....	31
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ .....	31
Điều 34. Tiêu chuẩn lựa chọn Công Ty Quản Lý Quỹ .....	31
Điều 35. Quyền và nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ .....	31
Điều 36. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công Ty Quản Lý Quỹ .....	32
Điều 37. Hạn chế hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ .....	33
CHƯƠNG VII .....	35
NGÂN HÀNG GIÁM SÁT .....	35
Điều 38. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng giám sát .....	35
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát .....	35
Điều 40. Hoạt động giám sát của Ngân hàng giám sát .....	36
Điều 41. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng Giám sát .....	38
CHƯƠNG VIII .....	39
CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN .....	39
Điều 42. Các hoạt động được ủy quyền .....	39
Điều 43. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan .....	39
Điều 44. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan .....	40
Điều 45. Trách nhiệm của Công Ty Quản Lý Quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền .....	40
Điều 46. Chấm dứt hoạt động ủy quyền .....	41
CHƯƠNG IX .....	42
ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI .....	42
Điều 47. Điều kiện lựa chọn đại lý phân phối Chứng chỉ Quỹ mở .....	42
Điều 48. Hoạt động của đại lý phân phối .....	43
Điều 49. Quy định chung về nghiệp vụ phân phối Chứng chỉ Quỹ .....	44
CHƯƠNG X .....	45
KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO .....	45
Điều 50. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty Kiểm toán .....	45
Điều 51. Năm tài chính .....	45
Điều 52. Chế độ kế toán .....	45

Điều 53. Báo cáo tài chính .....	46
Điều 54. Báo cáo khác .....	46
CHƯƠNG XI .....	46
PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ .....	46
Điều 55. Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ .....	46
Điều 56. Phương pháp xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ .....	47
Điều 57. Quy trình định giá tài sản quỹ .....	47
Điều 58. Dền bù thiệt hại cho nhà đầu tư, quỹ .....	48
Điều 59. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá .....	48
CHƯƠNG XII .....	49
LỢI NHUẬN VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ .....	49
Điều 60. Thu nhập của Quỹ .....	49
Điều 61. Phân phối lợi nhuận .....	49
Điều 62. Chi phí hoạt động của Quỹ .....	50
CHƯƠNG XIII .....	52
TÀI CƠ CẤU QUỸ .....	52
Điều 63. Các điều kiện hợp nhất, sáp nhập .....	52
Điều 64. Các điều kiện tách quỹ .....	52
Điều 65. Các điều kiện giải thể Quỹ .....	52
CHƯƠNG XIV .....	53
GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH .....	53
Điều 66. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các quỹ khác, các khách hàng đầu tư uỷ thác của Công Ty Quản lý Quỹ và giữa Quỹ và Công Ty Quản Lý Quỹ .....	53
CHƯƠNG XV .....	54
CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ THAY ĐỔI ĐIỀU LỆ .....	54
Điều 67. Công bố thông tin .....	54
Điều 68. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ .....	54
Điều 69. Điều khoản thi hành .....	55
Điều 70. Đăng ký điều lệ .....	55
PHỤ LỤC 1 .....	56
PHỤ LỤC 2 .....	58
PHỤ LỤC 3 .....	59
PHỤ LỤC 4 .....	60
PHỤ LỤC 5 .....	67

## I. CĂN CỨ PHÁP LÝ:

Việc thành lập và hoạt động của Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND và các vấn đề liên quan chịu sự điều chỉnh của:

1. Luật Chứng Khoán số 70/2006/QH11 do Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng Khoán được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010 (sau đây gọi tắt là "Luật Chứng khoán");
2. Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng Khoán;
3. Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng Khoán;
4. Nghị định số 108/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán;
5. Nghị định số 145/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán;
6. Nghị định số 86/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư, kinh doanh chứng khoán;
7. Nghị định số 42/2015/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về Chứng khoán phái sinh và thị trường Chứng khoán phái sinh;
8. Thông tư số 11/2016/TT-BTC của Bộ Tài Chính ban hành ngày 19 tháng 1 năm 2016 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 42/2015/NĐ-CP về Chứng khoán phái sinh và thị trường Chứng khoán phái sinh;
9. Thông tư số 23/2017/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2017 sửa đổi một số điều Thông tư số 11/2016/TT-BTC hướng dẫn Nghị định số 42/2015/NĐ-CP về Chứng khoán phái sinh và thị trường Chứng khoán phái sinh;
10. Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở;
11. Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư 183/2011/TT-BTC hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở;
12. Thông tư số 212/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về thành lập, tổ chức và hoạt động công ty quản lý quỹ;

13. Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài Chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ;
14. Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài Chính về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở;
15. Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 08 năm 2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;
16. Thông tư số 197/2015/TT-BTC ngày 03 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài Chính quy định về hành nghề chứng khoán;
17. Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
18. Thông tư số 127/2018/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam;
19. Thông tư số 128/2018/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam;
20. Thông tư 272/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán;
21. Các văn bản pháp luật hướng dẫn có liên quan.

## II. CÁC ĐỊNH NGHĨA

Trừ khi ngữ cảnh có quy định khác đi, những từ và cụm từ dưới đây sẽ mang nghĩa như sau

“Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND”	Là quỹ đầu tư chứng khoán dạng mở thực hiện chào bán Chứng chỉ Quỹ ra công chúng được thành lập theo quy định của Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2007 (sau đây gọi là Luật số 70) và Luật số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật Chứng khoán có hiệu lực thi hành từ ngày 1/7/2011 (sau đây gọi là Luật số 62), các văn bản pháp luật có liên quan và Điều lệ Quỹ.
“Quỹ trái phiếu”	Là quỹ mở đầu tư vào các loại tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ có thu nhập cố định khác với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chiếm từ tám mươi phần trăm (80%) giá trị tài sản ròng trừ lên.
“Công Ty Quản Lý Quỹ” hoặc “Công Ty Quản Lý Quỹ IPA”	Là Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Đầu tư Chứng khoán IPA được thành lập theo giấy phép thành lập và hoạt động số 30/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 04/03/2008. Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Đầu tư Chứng khoán IPA được ủy thác quản lý Quỹ đầu tư trái phiếu VND, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ này.
“Ngân hàng Giám sát”	Là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành (sau đây gọi tắt là ngân hàng BIDV Hà Thành), hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 0100150619-073 do sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 12/09/2003, sửa đổi lần thứ mười (10) ngày 20/05/2015 và Giấy phép hoạt động lưu ký số 510/QĐ-ĐKHBLK do UBCKNN cấp ngày 01/08/2006, cung cấp các dịch vụ: (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát được quy định tại Điều lệ này.
“Công ty kiểm toán”	Là công ty kiểm toán độc lập cho Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND được Đại hội Nhà đầu tư (hoặc Ban Đại diện Quỹ theo ủy quyền của Đại hội Nhà đầu tư) quyết định hàng năm theo Điều lệ quỹ và pháp luật có liên quan.
“Điều lệ Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND”	Bao gồm văn bản này, các Phụ lục đính kèm và các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có).
“Bản cáo bạch”	Là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán và lưu hành Chứng chỉ Quỹ của Quỹ.

“Hợp đồng giám sát”	Là hợp đồng được ký kết giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân hàng giám sát được thông qua bởi Đại hội Nhà đầu tư của Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND.
“Nhà đầu tư”	Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ Chứng chỉ Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND.
“Đại hội Nhà đầu tư”	Là đại hội của nhà đầu tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND. Đại hội Nhà đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND
“Ban Đại diện Quỹ”	Là những người đại diện cho nhà đầu tư được Đại hội Nhà đầu tư bầu ra để thay mặt nhà đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND, Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân hàng giám sát.
“Vốn điều lệ”	Là tổng số vốn bằng tiền do tất cả Nhà đầu tư thực góp tại đợt phát hành Chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng và được ghi trong Điều lệ này.
“Đơn vị Quỹ”	Là vốn điều lệ được chia thành nhiều đơn vị bằng nhau. Mệnh giá đơn vị quỹ của đợt phát hành lần đầu là 10.000 đồng/ đơn vị. Mỗi đơn vị quỹ đại diện cho phần lợi nhuận và vốn như nhau của Quỹ.
“Chứng chỉ Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND”	(Sau đây gọi là Chứng chỉ) là loại chứng khoán do Công Ty Quản Lý Quỹ IPA đại diện cho Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND phát hành, dưới dạng bút toán hoặc ghi sổ, xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư đối với tài sản hoặc vốn của Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND theo tỷ lệ tương ứng với số đơn vị Quỹ của nhà đầu tư đó đang sở hữu.
“Giá dịch vụ”	Sau đây có thể gọi là Phí.
“Giá bán” hoặc	Là mức giá mà nhà đầu tư phải thanh toán cho Công Ty Quản Lý Quỹ để mua một đơn vị quỹ. Giá bán/giá phát hành bằng mệnh giá (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng); hoặc bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tính tại ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ cộng với giá dịch vụ phát hành đã quy định tại Điều lệ Quỹ/ Bản cáo bạch.
“Giá phát hành”	
“Giá mua lại”	Là mức giá mà Công Ty Quản Lý Quỹ phải thanh toán để mua lại từ Nhà Đầu Tư một đơn vị quỹ. Giá mua lại bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tính tại ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ trừ đi giá dịch vụ mua lại Chứng chỉ Quỹ đã quy định tại Điều lệ Quỹ/ Bản cáo bạch.
“Giá dịch vụ quản lý quỹ”	Là giá dịch vụ phải trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đã được quy định tại Điều lệ này.
“Ngày đóng Quỹ”	Là ngày kết thúc việc huy động vốn cho Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND theo quy định của pháp luật hiện hành, được áp dụng cho đợt phát hành Chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng.



“Năm tài chính”	<p>Là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND sẽ được tính từ ngày Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.</p> <p>Trường hợp thời gian từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận lập quỹ/giấy phép thành lập và hoạt động cho đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn 90 ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.</p>
“Giá trị tài sản ròng của Quỹ (NAV)”	Là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND tại ngày gần nhất trước ngày định giá.
“Ngày định giá”	Là ngày mà Công Ty Quản Lý Quỹ xác định giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND.
“Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ”	Là ngày mà Công ty quản lý quỹ, thay mặt quỹ, phát hành và mua lại chứng chỉ Quỹ.
“Thời điểm đóng sổ lệnh”	Là thời điểm cuối cùng mà đại lý phân phối nhận lệnh giao dịch từ nhà đầu tư để thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
“Đại lý phân phối”	Là tổ chức kinh doanh chứng khoán, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân hàng lưu ký, ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm, tổ chức kinh tế khác đã đăng ký hoạt động phân phối Chứng chỉ Quỹ mở.
“Đại lý ký danh”	Là đại lý phân phối đứng tên chủ sở hữu tài khoản ký danh, thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ thay mặt cho các nhà đầu tư tại sở phụ.
“Dịch vụ quản trị quỹ đầu tư”	<p>Là dịch vụ được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan cung cấp, bao gồm các hoạt động sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ghi nhận kế toán các giao dịch của Quỹ; ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào Quỹ;</li> <li>- Lập báo cáo tài chính Quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của Quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho Quỹ;</li> <li>- Xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ Quỹ;</li> <li>- Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và Hợp đồng ký với Công Ty Quản Lý Quỹ;</li> </ul>

“Dịch vụ đại lý  
chuyển nhượng”

Là dịch vụ được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan cung cấp, bao gồm các hoạt động sau:

- Lập và quản lý sổ chính; mở và theo dõi quản lý hệ thống các tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ, tài khoản ký danh của đại lý phân phối và các tiểu khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ của nhà đầu tư; xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ mở;
- Ghi nhận các lệnh mua, lệnh bán, lệnh chuyển đổi của nhà đầu tư; chuyển quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ; cập nhật sổ chính;
- Hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu Chứng chỉ Quỹ của nhà đầu tư;
- Duy trì kênh liên lạc với nhà đầu tư, đại lý phân phối, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức có thẩm quyền khác;
- Cung cấp sao kê tài khoản giao dịch, xác nhận giao dịch và các tài liệu khác cho nhà đầu tư.
- Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và Hợp đồng ký với Công Ty Quản Lý Quỹ;

“Người có liên  
quan”

Là những người được quy định tại Khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán.

“UBCKNN”

Là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

“Các định nghĩa  
khác”

Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán và các văn bản khác có liên quan.

# CHƯƠNG I

## CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

### Điều 1. Tên và địa chỉ liên hệ:

- Tên quỹ: QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU VND

- Tên viết tắt: VNDBF

- Tên tiếng Anh: VND BOND FUND

- Loại hình quỹ: Quỹ mở

- Địa chỉ liên hệ:

Công Ty TNHH MTV Quản lý quỹ Đầu tư Chứng khoán IPA

Giấy Phép Thành Lập Và Hoạt Động số 30/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 04/03/2008

Trụ sở chính: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024 39410 510

Fax: 024 39410 500

### Điều 2. Mục đích của Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND được quản lý bởi Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán IPA với mục đích cung cấp sản phẩm đầu tư vào trái phiếu, tín phiếu, giấy tờ có giá và các tài sản khác phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ.

### Điều 3. Thời hạn hoạt động của Quỹ

Thời gian hoạt động của Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND được tính từ ngày hoàn tất việc huy động vốn và chính thức đăng ký lập Quỹ với cơ quan có thẩm quyền, và không giới hạn về thời hạn hoạt động.

### Điều 4. Nguyên tắc tổ chức

1. Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND là quỹ đại chúng dạng mở, hoạt động theo quy định của Luật Chứng Khoán, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật chứng khoán.
2. Trong suốt thời hạn hoạt động, Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND có nghĩa vụ phải mua lại Chứng chỉ Quỹ đã được phát hành cho nhà đầu tư theo quy định pháp luật hiện hành.
3. Cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND là Đại hội Nhà đầu tư.

4. Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND sẽ do Đại hội Nhà đầu tư bầu ra để giám sát các hoạt động thường xuyên của Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND, Công Ty Quản Lý Quỹ IPA, Ngân hàng giám sát và thực hiện các quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ này.
5. Công Ty Quản Lý Quỹ IPA được chỉ định để quản lý hoạt động đầu tư của Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND.

#### **Điều 5. Tổng vốn huy động và số lượng Chứng chỉ Quỹ chào bán**

1. Vốn Điều Lệ được huy động trong lần đầu chào bán ra công chúng của Quỹ tối thiểu là 50.000.000.000 VND (năm mươi tỷ Đồng Việt Nam).
2. Vốn Điều Lệ sẽ được chia thành tối thiểu 5.000.000 (năm triệu) Đơn Vị Quỹ.
3. Mệnh giá của một Đơn Vị Quỹ sẽ là 10.000 VND (mười nghìn đồng Việt Nam).
4. Nhà đầu tư sẽ góp vốn bằng Đồng Việt Nam theo cách thức chuyển khoản hoặc chuyển tiền vào tài khoản của Quỹ mở tại Ngân Hàng Giám Sát.
5. Quỹ không bị giới hạn số lượng tối đa Đơn Vị Quỹ được phát hành trừ khi Đại Hội Nhà Đầu Tư có quyết định khác.
6. Bất cứ thay đổi nào về giá trị vốn góp tối đa hoặc số lượng Đơn Vị Quỹ tối đa được phát hành sẽ do Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định và được báo cáo lên UBCKNN.

#### **Điều 6. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán Chứng chỉ Quỹ**

1. Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND chỉ định Công Ty Quản Lý Quỹ IPA làm đại diện duy nhất huy động vốn và phát hành Chứng chỉ Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND.
2. Người đại diện theo pháp luật của Công Ty Quản Lý Quỹ IPA được chỉ định là đại diện huy động vốn và chào bán Chứng chỉ Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND ra công chúng.

#### **Điều 7. Công Ty Quản Lý Quỹ**

- Tên công ty: Công Ty TNHH MTV Quản Lý Quỹ đầu tư Chứng khoán IPA
- Giấy Phép Thành Lập Và Hoạt Động số 30/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 04/03/2008
- Trụ sở chính: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
- Điện thoại: 024 39410 510
- Fax: 024 39410 500

#### **Điều 8. Ngân hàng giám sát**

- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành (BIDV Hà Thành)
- Trụ sở đăng ký: 74 Thọ Nhuộm, Hoàn Kiếm, Hà Nội

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 0100150619-073 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 12/09/2003, sửa đổi lần thứ mười (10) ngày 20/05/2015
- Giấy phép hoạt động lưu ký số 510/QĐ-ĐKHĐLK do UBCKNN cấp ngày 01/08/2006.
- Giấy chứng nhận chi nhánh hoạt động lưu ký số 19/GCNTVLK-CN-3 đăng ký lần đầu ngày 30/08/2006, thay đổi lần thứ 3 ngày 30/12/2014
- Điện thoại: 024 39411 840
- Fax: 024 39411 847

## CHƯƠNG II

### CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ

#### Điều 9. Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND là tìm kiếm lợi nhuận ổn định và dài hạn cho nhà đầu tư thông qua việc đầu tư vào các tài sản có thu nhập cố định, bao gồm nhưng không giới hạn bởi trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu của các doanh nghiệp hoạt động theo pháp luật Việt Nam có uy tín và có chất lượng tín dụng cao, tiền gửi ngân hàng, giấy tờ có giá.

#### Điều 10. Chiến lược đầu tư

##### 1. Chiến lược đầu tư

Chiến lược đầu tư của Quỹ là xây dựng một danh mục công cụ nợ đa dạng bao gồm nhưng không giới hạn bởi các loại tài sản như: trái phiếu chính phủ, trái phiếu được chính phủ bảo lãnh thanh toán, trái phiếu doanh nghiệp niêm yết, chứng chỉ tiền gửi, hợp đồng tiền gửi và các loại giấy tờ có giá khác.

Quỹ tập trung đầu tư vào các loại trái phiếu có thanh khoản tốt nhằm tạo ra lợi nhuận tốt hơn so với mức lợi tức gửi ngân hàng và giảm thiểu rủi ro, đảm bảo bảo toàn vốn cho nhà đầu tư. Đồng thời Quỹ có thể đầu tư một phần nhỏ vào các tài sản an toàn và thanh khoản khác như: chứng chỉ tiền gửi, giấy tờ có giá và các cổ phiếu phòng thủ có cổ tức cao, định giá hợp lý, thanh khoản tốt.

Công ty Quản lý Quỹ sẽ đánh giá những biến động của thị trường trái phiếu để phân bổ tỷ trọng vào các tài sản có thu nhập cố định như trái phiếu, các công cụ nợ khác và lượng tiền mặt đủ để đảm bảo khả năng sinh lời cao nhất cũng như khả năng thanh toán của Quỹ.

##### 2. Lĩnh vực, ngành nghề đầu tư:

Bên cạnh trái phiếu chính phủ, tiền gửi, và các công cụ tiền tệ khác, Quỹ sẽ tập trung đầu tư vào các công cụ nợ do các doanh nghiệp hoạt động chủ yếu trong các ngành nghề sau đây (nhưng không giới hạn ở những ngành nghề này):

- a) Tài chính - ngân hàng;
- b) Bất động sản, xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng;
- c) Dịch vụ và hàng tiêu dùng.
- d) Các ngành nghề được pháp luật cho phép và phù hợp với chiến lược đầu tư tại từng thời điểm theo quyết định hợp lý của Công ty Quản lý Quỹ.

### 3. Danh mục đầu tư của Quỹ

3.1. Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND sẽ phân bổ vào các loại tài sản như sau:

- a) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng;
- b) Ngoại tệ, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan;
- c) Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, kể cả các giao dịch mua bán lại (repo) trái phiếu Chính phủ theo quy định của Bộ Tài chính và các công cụ có thu nhập cố định khác;
- d) Trái phiếu niêm yết, cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam;
- e) Cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
- f) Chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán, và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro;
- g) Quyền và tài sản phát sinh gắn liền với chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ.

3.2. Trong một số trường hợp bất lợi của thị trường, để đảm bảo tính an toàn cho tài sản của Quỹ, tỷ trọng tiền gửi có kỳ hạn và các tài sản tương đương tiền có thể chiếm đến 100% giá trị tài sản ròng của Quỹ.

3.3. Trường hợp đầu tư vào các tài sản quy định tại điểm (e) mục 3.1 khoản 3 Điều này phải đáp ứng điều kiện sau:

- Đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;
- Có đủ tài liệu chứng minh tổ chức phát hành sẽ hoàn tất hồ sơ đăng ký giao dịch hoặc niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán trong thời hạn mười hai (12) tháng, kể từ ngày thực hiện giao dịch.

## Điều 11. Hạn chế đầu tư

1. Danh mục đầu tư của Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ tại Điều 10 Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch.
2. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND phải đảm bảo:
  - a) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, kể cả các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu (trừ trái phiếu chính phủ), cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi;
  - b) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ trái phiếu Chính phủ;
  - c) Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d, e và f mục 3.1 khoản 3 Điều 10 Điều lệ này, phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau theo quy định của pháp luật,
  - d) Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm e khoản 3.1 Điều 10 Điều lệ này;
  - e) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của quỹ;
  - f) Không được đầu tư vào các quỹ đầu tư chứng khoán, cổ phiếu của các công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam;
  - g) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;
3. Trừ trường hợp quy định tại điểm e, f, g Khoản 2 Điều này, cơ cấu đầu tư của Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND được phép sai lệch so với các hạn chế quy định nêu trên và chỉ do các nguyên nhân khách quan như sau:
  - a. Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ;
  - b. Thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của quỹ;
  - c. Thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
  - d. Hoạt động hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
  - e. Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ;
  - f. Quỹ đang trong thời gian giải thể.

4. Công Ty Quản Lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư đáp ứng các hạn mức đầu tư quy định tại khoản 2 Điều này trong thời hạn ba (03) tháng, kể từ ngày sai lệch phát sinh.
5. Trường hợp sai lệch là do Công Ty Quản Lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định pháp luật hoặc Điều lệ quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày sai lệch phát sinh và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu có). Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho quỹ.
6. Công Ty Quản Lý Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, công cụ tiền tệ quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 10 Điều lệ này phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản.

## **Điều 12. Hạn mức vay**

1. Công Ty Quản Lý Quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào, trừ trường hợp đầu tư tiền gửi theo quy định tại điểm a khoản 3.1 Điều 10 Điều lệ này.
2. Công Ty Quản Lý Quỹ không được phép vay để đầu tư, trừ trường hợp vay ngắn hạn để trang trải các chi phí cần thiết cho quỹ hoặc thực hiện lệnh thanh toán các giao dịch Chứng chỉ Quỹ với nhà đầu tư. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ, không bao gồm các khoản tạm ứng, các khoản phải trả, không được quá năm phần trăm (5%) giá trị tài sản ròng của quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày.
3. Công Ty Quản Lý Quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND để ký quỹ thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho Quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác. Công Ty Quản Lý Quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán.
4. Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND được thực hiện giao dịch mua bán lại (repo) trái phiếu Chính phủ theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý giao dịch trái phiếu Chính phủ.

## **Điều 13. Phương pháp lựa chọn đầu tư**

Phương pháp lựa chọn đầu tư sẽ đi từ việc nghiên cứu, đánh giá cơ bản kinh tế vĩ mô, xu hướng lãi suất trong từng giai đoạn tới phân tích, đánh giá kỹ lưỡng về các tổ chức phát hành. Căn cứ vào các kết quả phân tích đó, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ lựa chọn tài sản đầu tư và phân bổ đầu tư cho phù hợp với mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận với mức rủi ro hợp lý cho danh mục đầu tư.



## CHƯƠNG III

# NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

### Điều 14. Nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư của Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND có thể là pháp nhân, cá nhân trong và ngoài nước sở hữu Chứng chỉ Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND. Nhà đầu tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc nghĩa vụ khác với Quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi sổ Chứng chỉ Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND mà họ sở hữu.
2. Nhà đầu tư pháp nhân bao gồm các tổ chức kinh tế, xã hội được pháp luật Việt Nam công nhận. Nhà đầu tư pháp nhân sẽ cử người đại diện hợp pháp đại diện cho sổ Chứng chỉ Quỹ mà mình sở hữu. Bất kỳ việc đề cử, hủy bỏ hoặc thay thế đại diện này sẽ phải được thông báo cho Đại lý phân phối nơi nhà đầu tư pháp nhân mở tài khoản giao dịch và văn bản thông báo phải được ký bởi người đại diện theo pháp luật của Nhà đầu tư pháp nhân đó.
3. Người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ và người có liên quan của Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ được phép giao dịch Chứng chỉ Quỹ và trở thành Nhà đầu tư.

### Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư có quyền:
  - a) Hưởng lợi từ hoạt động đầu tư của Quỹ tương ứng với số lượng Chứng chỉ Quỹ nắm giữ và hưởng lợi ích và tài sản được chia hợp pháp từ việc thanh lý tài sản quỹ;
  - b) Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ thay mặt Quỹ mua lại Chứng chỉ Quỹ hoặc chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ (nếu có).
  - c) Thực hiện quyền của mình thông qua Đại hội Nhà Đầu Tư, mỗi đơn vị quỹ có một phiếu biểu quyết;
  - d) Các quyền khác theo quy định pháp luật và tại Điều Lệ này.
2. Nhà đầu tư có nghĩa vụ:
  - a) Tuân thủ Điều lệ Quỹ, chấp hành quyết định của Đại hội Nhà đầu tư.
  - b) Thanh toán đầy đủ tiền mua Chứng chỉ Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND như đã cam kết theo thời gian quy định và chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua Chứng chỉ Quỹ.
  - c) Các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và tại Điều Lệ này.

## **Điều 16. Sổ đăng ký nhà đầu tư**

1. Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan lập và quản lý Sổ Đăng ký nhà đầu tư Chính (“Sổ chính”) hoặc đại lý ký danh, nếu có, lập và quản lý Sổ đăng ký Nhà đầu tư phụ (“Sổ Phụ”) để xác nhận quyền sở hữu của Nhà đầu tư đối với Chứng chỉ Quỹ. Sổ đăng ký nhà đầu tư có thể là văn bản hoặc tệp dữ liệu điện tử hoặc cả hai.

Đại lý ký danh được mở, quản lý sổ phụ trên cơ sở hợp đồng ký với công ty quản lý quỹ. Giá dịch vụ quản lý sổ phụ không được hạch toán vào Quỹ.

2. Sổ Chính, Sổ Phụ sẽ bao gồm các thông tin sau:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công Ty Quản Lý Quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân Hàng Giám Sát và Ngân hàng lưu ký (nếu có); tên đầy đủ của Quỹ.

b. Thông tin về Nhà đầu tư bao gồm:

- Đối với Nhà đầu tư là cá nhân: Họ và tên của Nhà đầu tư, số chứng minh nhân dân, căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn hiệu lực; địa chỉ liên lạc, số điện thoại và địa chỉ thư điện tử (nếu có);

- Đối với Nhà đầu tư là tổ chức: Tên đầy đủ, tên viết tắt, tên giao dịch, địa chỉ trụ sở chính, số giấy phép thành lập và hoạt động/số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/đăng ký doanh nghiệp; tên đầy đủ, số chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ, số điện thoại và thư điện tử của người được ủy quyền giao dịch Chứng chỉ Quỹ của tổ chức đó.

c. Số tài khoản hoặc số tài khoản ký danh và số tiểu khoản của từng Nhà đầu tư và mã số đăng ký giao dịch chứng khoán trong trường hợp Nhà đầu tư là nhà đầu tư nước ngoài;

d. Số lượng Đơn Vị Quỹ mà Nhà đầu tư nắm giữ, ngày đăng ký sở hữu vào Sổ chính hoặc Sổ phụ.

3. Công Ty Quản Lý Quỹ và nhà cung cấp dịch vụ có liên quan phải luôn có đầy đủ thông tin về từng Nhà đầu tư, kể cả nhà đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh. Thông tin về tài sản của Nhà đầu tư trên sổ chính là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư. Quyền sở hữu này được xác lập kể từ thời điểm thông tin về sở hữu của Nhà đầu tư được cập nhật trong Sổ chính.

## **Điều 17. Giao dịch Chứng chỉ Quỹ**

1. Cơ chế chung về giao dịch chứng chỉ quỹ

a) Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ có hiệu lực Công Ty Quản Lý Quỹ phải tổ chức giao dịch Chứng chỉ Quỹ cho nhà đầu tư. Hoạt động giao dịch phải được tổ chức định kỳ.

b) Tần suất giao dịch của Quỹ:

- Chứng chỉ Quỹ được giao dịch hàng ngày từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần.
  - Ngày Giao Dịch sẽ không bao gồm các ngày nghỉ lễ, kể cả ngày nghỉ bù, làm bù theo quy định của pháp luật.
  - Việc giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại hội Nhà đầu tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.
- c) Lệnh giao dịch phải được gửi tới Đại lý phân phối đã công bố tại Bản cáo bạch hoặc đã công bố tại trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý quỹ.

## 2. Lệnh mua chứng chỉ Quỹ

- a) Lệnh mua sẽ được chấp nhận để thực hiện khi hồ sơ đăng ký mua được Đại Lý Chuyển Nhượng chấp nhận và Ngân Hàng Giám Sát xác nhận đã nhận được khoản thanh toán đầy đủ.
- b) Nhà đầu tư thực hiện thanh toán tiền mua chứng chỉ quỹ bằng hình thức chuyển khoản qua ngân hàng hoặc nộp tiền vào tài khoản của Quỹ, đại lý ký danh tại Ngân hàng giám sát. Trường hợp lệnh mua chứng chỉ quỹ và việc thanh toán cho lệnh mua được thực hiện bởi cá nhân, tổ chức khác không phải là nhà đầu tư thì phiếu lệnh và tài liệu xác nhận việc thanh toán phải nêu rõ tên, số tài khoản và giá trị thanh toán của nhà đầu tư được hưởng lợi.
- c) Số lượng chứng chỉ Quỹ được phân phối được tính bằng:
 
$$\frac{\text{Tổng số tiền đăng ký mua hợp lệ} \times (1 - \text{Giá dịch vụ phát hành}(\%))}{\text{Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại ngày giao dịch}}$$
- d) Số lượng đơn vị Quỹ được phân phối được làm tròn tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.
- e) Xác nhận giao dịch được Đại lý phân phối chuyển tới nhà đầu tư trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch chứng chỉ Quỹ. Xác nhận giao dịch mua cũng đồng thời là xác nhận quyền sở hữu đối với số lượng Đơn vị quỹ Nhà đầu tư mua được.
- f) Các trường hợp lệnh mua không hợp lệ, cách thức giải quyết chênh lệch tiền và quy trình nhận, thực hiện lệnh mua được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch.

## 3. Lệnh bán Chứng chỉ quỹ

- a) Lệnh bán được chấp nhận để thực hiện khi số lượng Chứng chỉ quỹ đăng ký bán được Đại Lý Chuyển Nhượng xác nhận là do Nhà đầu tư đó nắm giữ.
- b) Việc thanh toán tiền bán chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản trong vòng năm (05) ngày kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ.
- c) Số tiền bán chứng chỉ quỹ = Số lượng Chứng chỉ Quỹ được mua lại x Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị quỹ x (1 - Giá dịch vụ mua lại(%)).

- d) Nhà đầu tư sẽ nhận được số tiền bằng số tiền bán chứng chỉ quỹ trừ đi các khoản thuế (nếu có) theo Luật hiện hành và phí chuyển tiền.
- e) Xác nhận giao dịch: được Đại lý Phân phối chuyển tới Nhà đầu tư trong vòng ba (03) ngày kể từ ngày giao dịch chứng chỉ Quỹ.
- f) Các trường hợp lệnh bán không hợp lệ, cách thức giải quyết và quy trình nhận, thực hiện lệnh bán được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch.
- g) Công ty Quản lý Quỹ được chuyển giao một phần danh mục đầu tư thay cho việc thanh toán bằng tiền cho Nhà đầu tư. Việc chuyển giao danh mục đầu tư phải đáp ứng các điều kiện sau:
- Chỉ thực hiện khi Công ty Quản lý Quỹ xét thấy là cần thiết để không ảnh hưởng tiêu cực tới giá trị tài sản ròng của Quỹ. Việc thực hiện phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Ban Đại diện và phải báo cáo Đại hội Nhà đầu tư gần nhất;
  - Được Nhà đầu tư (bên nhận chuyển giao) chấp thuận bằng văn bản;
  - Chỉ thực hiện đối với lệnh bán có tổng giá trị thanh toán vượt quá năm mươi (50) tỷ đồng;
  - Cơ cấu danh mục chuyển giao cho nhà đầu tư phải hoàn toàn giống cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ, bảo đảm sự phù hợp về loại tài sản, cơ cấu và tỷ trọng tài sản có trong danh mục đầu tư của Quỹ;
  - Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận đảm bảo việc chuyển giao danh mục đầu tư phù hợp với quy định tại khoản này.
4. Lệnh chuyển đổi
- Nhà đầu tư có thể thực hiện việc chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ mở khi công ty quản lý có từ hai (02) quỹ mở trở lên.
  - Nhà đầu tư có thể đăng ký chuyển đổi một phần hoặc toàn bộ số lượng Chứng chỉ Quỹ sở hữu.
  - Nguyên tắc thực hiện giao dịch chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ mở và thủ tục thực hiện lệnh chuyển đổi được quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch của Quỹ.
  - Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ tiến hành cập nhật đầy đủ các quy định liên quan đến các thủ tục liên quan cho việc chuyển đổi quỹ và thông tin cụ thể đến nhà đầu tư thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử (website) của Công Ty Quản Lý Quỹ và hệ thống đại lý phân phối.
5. Giao dịch chuyển nhượng phi thương mại (cho, biếu, tặng, thừa kế...)
- Việc cho, biếu, tặng, thừa kế Chứng Chỉ Quỹ sẽ được thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật. Quỹ chỉ chấp nhận người thụ hưởng hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc cho, biếu, tặng, thừa kế... hoặc người thụ hưởng.

- Các giao dịch chuyển nhượng phi thương mại Chứng chỉ Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND cho một cá nhân/ tổ chức khác được thực hiện tại Đại lý phân phối chỉ định.
- Quy trình nhận và thực hiện giao dịch chuyển nhượng phi thương mại được quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch của Quỹ.
- Nhà đầu tư phải cung cấp đầy đủ các văn bản và tài liệu cần thiết để hoàn tất thủ tục giao dịch chuyển nhượng phi thương mại theo quy định của pháp luật.
- Nhà đầu tư không phải thanh toán giá dịch vụ chuyển nhượng phi thương mại cho Công Ty Quản Lý Quỹ.
- Nhà đầu tư /người thụ hưởng có trách nhiệm thanh toán các khoản chi phí phát sinh và thuế liên quan đến việc chuyển nhượng phi thương mại theo quy định của pháp luật.

6. Lệnh mua/ bán/ chuyển đổi chỉ được thực hiện vào Ngày giao dịch T nếu các lệnh này đã được Đại lý phân phối nhận trước Thời điểm đóng sổ lệnh của Ngày giao dịch đó. Các lệnh nhận sau Thời điểm đóng sổ lệnh được thực hiện vào Ngày giao dịch tiếp theo trừ trường hợp nhà đầu tư có yêu cầu hủy lệnh.

7. Thời điểm đóng sổ lệnh không muộn quá thời điểm đóng cửa thị trường của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày gần nhất trước Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ và được công bố công khai tại Bản cáo bạch.

8. Nhà đầu tư lần đầu giao dịch chứng chỉ quỹ phải mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ và cung cấp các thông tin nhận biết Nhà đầu tư theo yêu cầu của Công ty Quản Lý Quỹ. Đại lý Phân phối đã được quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch.

9. Nhà đầu tư có thể tham gia mua Chứng chỉ Quỹ theo chương trình đầu tư định kỳ (sau đây gọi là "SIP"). Theo đó, nhà đầu tư lựa chọn chương trình SIP có thể đầu tư một khoản tiền cố định hàng tháng hoặc hàng quý để mua các Chứng chỉ Quỹ. Cách thức đặt lệnh giao dịch Chứng chỉ Quỹ, khoản đầu tư tối thiểu, ngày thanh toán, thời điểm đóng sổ lệnh, các loại Giá dịch vụ của giao dịch áp dụng đối với chương trình SIP sẽ được quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch.

10. Công Ty Quản Lý Quỹ, người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ được tham gia góp vốn thành lập, giao dịch Chứng chỉ Quỹ mở mà Công ty đang quản lý với các mức giá giao dịch áp dụng như đối với các nhà đầu tư khác theo Điều lệ này.

## **Điều 18. Mua lại một phần, tạm ngừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ**

1. Công Ty Quản Lý Quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán, lệnh mua, lệnh chuyển đổi của nhà đầu tư một trong các trường hợp sau:

a) Tổng giá trị các lệnh bán (kể cả lệnh bán từ hoạt động chuyển đổi) trừ tổng giá trị các lệnh mua (kể cả lệnh mua từ hoạt động chuyển đổi) tại ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ lớn hơn mười phần trăm (10%) giá trị tài sản ròng của quỹ; hoặc

b) Việc thực hiện toàn bộ lệnh của nhà đầu tư dẫn tới Giá trị tài sản ròng của quỹ xuống dưới năm mươi (50) tỷ đồng; hoặc

- c) Việc bán chứng khoán lấy tiền mặt để đáp ứng toàn bộ lệnh của nhà đầu tư không thể thực hiện được do:
- Tình thanh khoản của thị trường thấp;
  - Một (hoặc nhiều) chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND bị đình chỉ giao dịch do Quyết định của Sở Giao dịch Chứng khoán.
2. Đối với việc mua lại phần còn lại của lệnh bán, lệnh chuyển đổi đối với các lệnh đã đáp ứng một phần theo quy định tại khoản 1 Điều này, Công Ty Quản Lý Quỹ áp dụng theo nguyên tắc phân phối theo cùng tỷ lệ.
- a. Phần giá trị được thực hiện sẽ được phân bổ cho tất cả các nhà đầu tư đăng ký giao dịch tại một kỳ giao dịch, theo cùng một tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch.
- b. Cách thức giải quyết đối với các phần lệnh chưa được thực hiện được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch của Quỹ.
3. Chứng chỉ Quỹ mở có thể bị tạm dừng giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:
- Công Ty Quản Lý Quỹ không thể thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ mở theo yêu cầu do nguyên nhân bất khả kháng;
  - Công Ty Quản Lý Quỹ không thể xác định giá trị tài sản ròng của quỹ mở vào ngày định giá mua lại Chứng chỉ Quỹ mở do Sở Giao dịch Chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của quỹ;
  - Các sự kiện khác mà UBCKNN xét thấy là cần thiết.
4. Công Ty Quản Lý Quỹ phải báo cáo Ban đại diện quỹ, UBCKNN trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại khoản 3 Điều này và phải tiếp tục thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ mở ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.
5. Thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ là chín mươi (90) ngày, kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ gần nhất.
6. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tối đa tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ theo quy định tại khoản 5 Điều này, Công Ty Quản Lý Quỹ phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại hội nhà đầu tư về việc giải thể quỹ, hoặc tách quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
7. Trong thời hạn triệu tập Đại hội nhà đầu tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ chấm dứt, Công Ty Quản Lý Quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại hội nhà đầu tư.

## **Điều 19. Giá bán/ giá phát hành, giá mua lại**

1. Giá bán/ giá phát hành lần đầu là mức giá mà nhà đầu tư phải thanh toán cho Công Ty Quản Lý Quỹ để mua một đơn vị quỹ trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng, được tính bằng mệnh giá của một đơn vị quỹ cộng với giá dịch vụ phát hành.

2. Giá bán/ giá phát hành các lần tiếp theo là mức giá mà nhà đầu tư phải thanh toán cho Công Ty Quản Lý Quỹ để mua một đơn vị quỹ tại các kỳ giao dịch tiếp theo, được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ sử dụng tại ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ cộng với Giá dịch vụ phát hành các lần tiếp theo.

3. Giá mua lại là mức giá mà Công Ty Quản Lý Quỹ phải thanh toán để mua lại từ nhà đầu tư một đơn vị quỹ. Giá mua lại bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ sử dụng tại ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ, trừ đi Giá dịch vụ mua lại.

4. Giá dịch vụ phát hành là số tiền dịch vụ mà nhà đầu tư phải trả khi mua Chứng chỉ quỹ và được tính theo tỷ lệ phần trăm tổng giá trị đăng ký mua chứng chỉ quỹ.

Giá dịch vụ phát hành: 0% (miễn phí)

Giá dịch vụ phát hành có thể được thay đổi do Công Ty Quản Lý Quỹ quyết định và công bố bằng văn bản thông báo tại từng thời kỳ nhưng không vượt quá năm phần trăm (5%) giá trị giao dịch.

5. Giá dịch vụ mua lại là số tiền dịch vụ nhà đầu tư phải trả khi bán một đơn vị quỹ cho Quỹ và được khấu trừ khi Quỹ thanh toán tiền bán chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư.

Giá dịch vụ mua lại: 0%

Giá dịch vụ mua lại có thể được thay đổi do Công Ty Quản Lý Quỹ quyết định và công bố bằng văn bản thông báo tại từng thời kỳ, nhưng không vượt quá ba phần trăm (3%) giá trị bán thực hiện được.

6. Giá dịch vụ chuyển đổi là số tiền dịch vụ nhà đầu tư phải trả khi giao dịch chuyển đổi chứng chỉ quỹ giữa các chứng chỉ quỹ mới do Công Ty Quản lý Quỹ quản lý tại mỗi kỳ giao dịch. Giá dịch vụ chuyển đổi chứng chỉ quỹ được tính trên giá trị giao dịch chứng chỉ quỹ chuyển đổi thực hiện được. Nhà đầu tư không phải trả Giá dịch vụ mua lại và Giá dịch vụ phát hành khi thực hiện chuyển đổi các loại chứng chỉ quỹ.

Giá dịch vụ chuyển đổi: 0%

Giá dịch vụ chuyển đổi có thể thay đổi do Công Ty Quản Lý Quỹ quyết định và công bố bằng văn bản thông báo tại từng thời kỳ, nhưng không vượt quá ba phần trăm (3%) giá trị chuyển đổi thực hiện được.

7. Các loại giá dịch vụ quy định tại khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều này sẽ được công bố cụ thể tại Bản cáo bạch quỹ, Bản cáo bạch tóm tắt, trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại lý phân phối hoặc dưới hình thức khác và được trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ và Đại lý phân phối. Ngân hàng lưu ký, giám sát sẽ chuyển trả trực tiếp các loại giá dịch vụ này cho Công Ty Quản Lý Quỹ và Đại lý phân phối theo chỉ thị thanh toán của Công Ty Quản Lý Quỹ. Mức giá

trả cho Đại lý phân phối được tính bởi tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan căn cứ trên Hợp đồng Đại lý phân phối được ký giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Đại lý phân phối.

8. Việc tăng các mức giá dịch vụ chỉ được thực hiện khi mức giá dịch vụ sau khi tăng không vượt quá các mức quy định tại khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều này. Thời điểm áp dụng mức giá mới tăng sớm nhất là chín mươi (90) ngày kể từ ngày công ty quản lý quỹ công bố về các mức giá mới trên trang thông tin điện tử của công ty.

## **Điều 20. Thừa kế Chứng chỉ Quỹ**

1. Việc thừa kế Chứng chỉ Quỹ phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành về thừa kế. Quỹ chỉ chấp nhận người thừa kế hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc thừa kế hoặc người thừa kế.

2. Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng sẽ đăng ký người thừa kế hợp pháp trong sổ đăng ký nhà đầu tư sau khi người thừa kế đó đã cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp về việc thừa kế cho Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc các tổ chức được ủy quyền.

## **CHƯƠNG IV**

### **ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ**

#### **Điều 21. Đại hội Nhà đầu tư**

1. Đại hội Nhà đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND. Tất cả các nhà đầu tư có tên trong Danh sách đăng ký nhà đầu tư trước khi triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự Đại hội.

2. Đại hội nhà đầu tư do công ty quản lý quỹ triệu tập. Đại hội nhà đầu tư có thể được triệu tập họp thường niên hoặc bất thường. Trừ trường hợp buộc phải tổ chức họp tập trung để lấy ý kiến Đại hội Nhà đầu tư về các vấn đề quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 23 Điều lệ này, việc họp đại hội nhà đầu tư có thể được tổ chức dưới hình thức họp lấy ý kiến bằng văn bản hoặc tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành trên cơ sở sự đồng ý của Ban Đại diện Quỹ.

Đại hội Nhà đầu tư hàng năm được tổ chức trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày có báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.

Họp Đại hội Nhà đầu tư dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có thể được thực hiện dưới hình thức gửi thư bằng văn bản hoặc thư điện tử.

#### **Điều 22. Đại hội Nhà đầu tư bất thường**

1. Đại hội Nhà đầu tư bất thường được triệu tập trong những trường hợp sau:



- a) Công Ty Quản Lý Quỹ, hoặc Ngân hàng giám sát, hoặc Ban đại diện Quỹ xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của Quỹ;
  - b) Theo yêu cầu của nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư đại diện cho ít nhất mười phần trăm (10%) tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành liên tục trong vòng ít nhất sáu (06) tháng liên tục tính tới thời điểm triệu tập đại hội;
2. Việc tổ chức Đại hội Nhà đầu tư bất thường theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong vòng ba mươi (30) ngày, kể từ ngày Công Ty Quản Lý Quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà đầu tư, trong đó phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký đầy đủ của các nhà đầu tư liên quan.

### **Điều 23. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội Nhà đầu tư**

1. Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ, Hợp đồng giám sát, phương án phân phối lợi nhuận;
2. Quyết định các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của quỹ; tăng mức giá dịch vụ trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân hàng giám sát; thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân hàng giám sát;
3. Sáp nhập quỹ, hợp nhất quỹ;
4. Quyết định tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ; tách quỹ;
5. Giải thể quỹ;
6. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và thành viên của Ban đại diện Quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban đại diện Quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hằng năm của Quỹ; thông qua báo cáo tài chính hằng năm về tài sản và hoạt động của Quỹ;
7. Xem xét và xử lý vi phạm của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân hàng giám sát và Ban đại diện Quỹ;
8. Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân hàng giám sát trình sổ sách kế toán hoặc giấy tờ giao dịch tại Đại hội Nhà đầu tư;
9. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ.

### **Điều 24. Điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại hội Nhà đầu tư**

1. Thời gian, chương trình và nội dung dự kiến của Đại hội Nhà đầu tư phải được thông báo công khai theo quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và báo cáo UBCKNN tối thiểu ít nhất mười (10) ngày trước khi tiến hành Đại hội.

2. Cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư được tiến hành khi có số nhà đầu tư tham dự đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành. Hình thức tham dự và biểu quyết tại Đại hội có thể là trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền trong trường hợp sau đây:

- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- Ủy quyền cho một người khác hoặc ủy quyền cho Ban đại diện Quỹ tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; tham dự họp trực tuyến thông qua điện thoại, Internet hoặc các phương tiện truyền tin nghe, nhìn khác.
- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, Đại hội Nhà đầu tư được tiến hành không phụ thuộc vào số nhà đầu tư tham dự.

4. Đại hội Nhà đầu tư có thể được tổ chức dưới hình thức họp tập trung hoặc không tập trung bằng cách lấy ý kiến bằng văn bản, trừ trường hợp buộc phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại hội nhà đầu tư về các vấn đề quy định tại khoản 2 và 3 Điều 23 Điều lệ này.

5. Đại hội Nhà đầu tư sẽ do Chủ tịch Ban đại diện Quỹ chủ trì hoặc một người khác được Đại hội Nhà đầu tư bầu ra nếu Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ vắng mặt.

6. Tất cả cuộc họp của Đại hội Nhà đầu tư phải được lập thành biên bản và lưu giữ ở trụ sở chính của Công Ty Quản Lý Quỹ.

## **Điều 25. Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư**

1. Mỗi đơn vị quỹ sẽ có một quyền biểu quyết. Ngân hàng giám sát, Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức kiểm toán, công ty luật, tổ chức định giá bất động sản (nếu có) cung cấp dịch vụ cho Quỹ được quyền tham gia Đại hội Nhà đầu tư nhưng không được biểu quyết.

2. Đại hội Nhà đầu tư thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc các hình thức biểu quyết khác phù hợp với quy định hiện hành.

3. Trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này, quyết định tại cuộc họp của Đại hội nhà đầu tư được thông qua khi được số nhà đầu tư đại diện ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số đơn vị quỹ của các nhà đầu tư dự họp tán thành.

4. Trường hợp lấy ý kiến dưới hình thức bằng văn bản, quyết định của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua nếu được số nhà đầu tư đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số đơn vị quỹ của các nhà đầu tư biểu quyết tán thành.

5. Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp là:

(a) Quyết định các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của quỹ; tăng mức giá dịch vụ trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân hàng giám sát; thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân hàng giám sát;

(b) Sáp nhập quỹ, hợp nhất quỹ.

Quyết định các nội dung này tại cuộc họp được thông qua khi số nhà đầu tư đại diện ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số đơn vị quỹ của các nhà đầu tư dự họp tán thành.

6. Công Ty Quản Lý Quỹ và Ban đại diện Quỹ có trách nhiệm đảm bảo rằng mọi quyết định của Đại hội Nhà đầu tư là phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ.

7. Trong thời hạn bảy (07) ngày, sau khi kết thúc đại hội nhà đầu tư, hoặc sau ngày kết thúc việc lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản theo quy định tại khoản 4 Điều này, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm lập biên bản và nghị quyết đại hội nhà đầu tư gửi cho Ngân hàng giám sát, cung cấp cho nhà đầu tư hoặc công bố thông tin theo quy định của pháp luật trên các trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.

## **Điều 26. Phân đổi quyết định của Đại hội Nhà đầu tư**

1. Nhà đầu tư phân đổi quyết định đã được thông qua bởi Đại hội Nhà đầu tư về việc một số các nội dung quy định tại khoản 2 và 3 Điều 23 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ mua lại Chứng chỉ Quỹ của mình hoặc chuyển đổi sang quỹ mở khác của Công Ty Quản Lý Quỹ mà có cùng chính sách đầu tư. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của nhà đầu tư, số lượng đơn vị quỹ, lý do yêu cầu mua lại hoặc đề nghị chuyển đổi sang quỹ có cùng chính sách đầu tư do công ty quản lý. Yêu cầu phải được nhà đầu tư gửi tới trụ sở chính của Công Ty Quản Lý Quỹ, đại lý ký danh trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Đại hội nhà đầu tư thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.

2. Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày công bố kết quả họp Đại hội Nhà đầu tư, Công Ty Quản Lý Quỹ phải hoàn tất việc mua lại hoặc chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ cho nhà đầu tư phân đổi quyết định của Đại hội Nhà đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều này. Trong trường hợp này, mức giá mua lại được xác định trên cơ sở giá trị tài sản ròng xác định tại ngày họp Đại hội nhà đầu tư và nhà đầu tư không phải thanh toán giá dịch vụ mua lại, giá dịch vụ chuyển đổi

## CHƯƠNG V

### BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

#### Điều 27. Ban đại diện Quỹ

1. Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND do Đại hội Nhà đầu tư bầu ra, đại diện cho quyền lợi của nhà đầu tư.
2. Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND có từ ba (03) đến mười một (11) thành viên, trong đó có ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên Ban đại diện quỹ là thành viên độc lập. Thành viên độc lập không phải là người có liên quan của Công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát
3. Trong Ban Đại diện Quỹ phải có:
  - a) Tối thiểu một thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán;
  - b) Tối thiểu một thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản;
  - c) Tối thiểu một thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật và các quy định trong lĩnh vực chứng khoán.
4. Ban Đại diện Quỹ có nhiệm kỳ là ba (03) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
5. Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được thông qua bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Ban Đại diện Quỹ có một phiếu biểu quyết. Đối với cuộc họp Ban đại diện, thành viên Ban đại diện không thể tham dự trực tiếp thì có quyền gửi ý kiến bằng văn bản và/hoặc cử người đại diện mình tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
6. Trong quá trình hoạt động, trường hợp thành viên Ban đại diện Quỹ bị đình chỉ hoặc bãi miễn theo quy định tại Điều 32 của Điều lệ này, hoặc trường hợp cơ cấu Ban đại diện Quỹ hoặc thành viên không còn đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi có sự thay đổi, Ban đại diện Quỹ và Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm chọn thành viên đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều này để tạm thời thay thế. Thành viên tạm thời thay thế sẽ thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện Quỹ cho đến khi Đại hội Nhà đầu tư chính thức bổ nhiệm thành viên thay thế.
7. Công Ty Quản Lý Quỹ phải thực hiện báo cáo cho UBCKNN và công bố thông tin việc thay đổi cơ cấu Ban đại diện theo quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
8. Các thành viên của Ban Đại diện Quỹ được hưởng thù lao và được thanh toán các chi phí và phí tổn hợp lý để trang trải cho việc đi dự các phiên họp của Ban Đại diện Quỹ hoặc các chi

phí và phí tổn hợp lý khác vì mục đích công việc của Quỹ. Đại hội Nhà đầu tư quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban đại diện Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế thu nhập cá nhân của Chủ tịch và thành viên Ban đại diện theo quy định của pháp luật hiện hành.

## **Điều 28. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện Quỹ**

1. Thành viên Ban đại diện Quỹ phải đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn sau:
  - a. Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;
  - b. Không bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp;
  - c. Có chuyên môn trong lĩnh vực tài chính hoặc ngân hàng hoặc bảo hiểm hoặc chứng khoán hoặc kế toán hoặc kiểm toán hoặc luật hoặc tốt nghiệp một trường đại học với chuyên ngành thuộc một trong các lĩnh vực vừa nêu.
2. Trong trường hợp người được đại diện theo ủy quyền của Nhà đầu tư tổ chức là thành viên Ban đại diện quỹ, việc thay đổi người đại diện theo ủy quyền đó của Nhà đầu tư tổ chức là sự kiện để chấm dứt tư cách thành viên của Ban đại diện Quỹ đối với người bị thay đổi. Người được cử làm đại diện theo ủy quyền mới của Nhà đầu tư tổ chức nếu trên không đương nhiên trở thành thành viên Ban đại diện Quỹ mà chỉ trở thành thành viên Ban đại diện Quỹ nếu được Đại hội Nhà đầu tư bầu theo quy định tại Điều lệ này.

## **Điều 29. Quyền và nghĩa vụ của Ban đại diện Quỹ**

1. Đại diện cho quyền lợi của nhà đầu tư; thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật để bảo vệ quyền lợi của quỹ và nhà đầu tư.
2. Phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá, nguyên tắc và phương pháp xác định giá trị tài sản ròng; phê duyệt danh sách các tổ chức tín dụng nhận tiền gửi của quỹ, công cụ tiền tệ và các tài sản mà quỹ được phép đầu tư theo quy định tại điểm a, b, e khoản 3 Điều 10 Điều lệ này; chấp thuận các giao dịch tài sản của quỹ theo thẩm quyền đối với các giao dịch theo phương thức thỏa thuận, các giao dịch mua, bán chứng khoán chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch.
3. Quyết định mức lợi nhuận phân phối dựa trên đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ; thông qua thời hạn và thủ tục phân phối lợi nhuận, hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát trên cơ sở quy định của pháp luật.
4. Ngoại trừ vấn đề quy định tại khoản 5 Điều 23 Điều lệ này, Ban đại diện được quyết định tất cả các vấn đề quy định tại Điều 23 Điều lệ này nếu được Đại hội Nhà đầu tư ủy quyền.
5. Có quyền yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát.

6. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Ban đại diện Quỹ quyết định các vấn đề quy định tại khoản 4 Điều này, Ban Đại diện Quỹ, thông qua Công Ty Quản Lý Quỹ, phải gửi UBCKNN, Ngân hàng Giám sát biên bản họp và nghị quyết của Ban Đại diện Quỹ, đồng thời thực hiện công bố thông tin theo quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

7. Khi thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình, Ban đại diện Quỹ tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ và quyết định của Đại hội Nhà đầu tư. Trong trường hợp quyết định do Ban đại diện Quỹ thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Quỹ gây thiệt hại cho Quỹ thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho quỹ; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

8. Ban đại diện Quỹ có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đối với người nội bộ và người có liên quan với người nội bộ của quỹ đại chúng.

### **Điều 30. Chủ tịch Ban đại diện Quỹ**

1. Đại hội Nhà đầu tư bầu Chủ tịch Ban đại diện Quỹ trong số thành viên Ban đại diện. Chủ tịch Ban đại diện Quỹ phải là thành viên độc lập.

2. Chủ tịch Ban đại diện Quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- (a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban đại diện Quỹ;
- (b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban đại diện Quỹ;
- (c) Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban đại diện quỹ;
- (d) Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Điều lệ quỹ.

### **Điều 31. Thủ tục điều hành của Ban đại diện Quỹ**

1. Trường hợp Chủ tịch Ban đại diện Quỹ vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên Ban đại diện Quỹ được Chủ tịch Ban đại diện Quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Ban đại diện quỹ.

2. Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên Ban đại diện Quỹ còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức Chủ tịch Ban đại diện Quỹ theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại Chủ tịch Ban đại diện Quỹ sẽ được thực hiện tại Đại hội Nhà đầu tư thường niên gần nhất.

### **Điều 32. Đình chỉ và bãi miễn thành viên Ban đại diện Quỹ**

Thành viên Ban Đại Diện Quỹ sẽ bị đình chỉ hoặc bãi miễn trong một trong những trường hợp sau:

- a. Bãi miễn theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư;
- b. Hết nhiệm kỳ hoặc từ chức;
- c. Vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ, tiết lộ thông tin bảo mật hoặc không tham gia vào các hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ trong hai (02) kỳ họp Ban Đại Diện Quỹ liên tục mà không có lý do thỏa đáng;
- d. Không đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1, Điều 28 của Điều Lệ này, chết hoặc mất toàn bộ hoặc một phần năng lực hành vi dân sự, hoặc bất kỳ lý do nào khác theo quy định của pháp luật để thực hiện vai trò thành viên Ban Đại Diện Quỹ; hoặc
- e. Bị buộc tội hoặc truy tố hoặc bất kỳ lý do nào khác có thể gây tổn hại đến uy tín của Ban Đại Diện Quỹ.

### **Điều 33: Cuộc họp Ban đại diện Quỹ**

1. Chủ tịch Ban đại diện Quỹ có quyền triệu tập họp Ban đại diện quỹ. Ban đại diện Quỹ phải họp ít nhất mỗi quý một lần để thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình.
2. Ban đại diện Quỹ triệu tập cuộc họp bất thường theo yêu cầu của Chủ tịch Ban đại diện quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân hàng Giám sát hoặc theo yêu cầu của ít nhất hai phần ba (2/3) tổng số thành viên Ban đại diện quỹ.
3. Cuộc họp Ban đại diện Quỹ có thể họp trực tiếp, họp thông qua điện thoại, internet và các phương tiện truyền tin nghe, nhìn hoặc dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
4. Cuộc họp Ban đại diện Quỹ được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) tổng số thành viên trở lên tham dự, trong đó số thành viên độc lập phải chiếm từ năm mươi một phần trăm (51%) trở lên. Thành viên có thể có mặt trực tiếp hoặc họp thông qua hình thức điện thoại hội nghị hoặc bất kỳ phương thức liên lạc đáng tin cậy nào khác. Quyết định của Ban đại diện Quỹ được thông qua nếu được từ năm mươi một phần trăm (51%) trở lên số thành viên Ban đại diện Quỹ dự họp và từ năm mươi một phần trăm (51%) trở lên số thành viên Ban đại diện Quỹ độc lập thông qua.
5. Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân hàng giám sát có quyền tham dự cuộc họp của Ban đại diện Quỹ nhưng không được quyền biểu quyết.
6. Ban đại diện Quỹ sẽ chỉ định một nhân viên có năng lực của Công Ty Quản Lý Quỹ để làm thư ký và ghi biên bản họp của Ban đại diện Quỹ.
7. Cuộc họp Ban đại diện Quỹ phải được ghi đầy đủ vào biên bản. Chủ tọa và thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Ban đại diện Quỹ.
8. Tất cả các chi phí tổ chức các cuộc họp và chi phí công tác của Ban đại diện Quỹ sẽ do Quỹ thanh toán.

## CHƯƠNG VI

### CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

#### **Điều 34. Tiêu chuẩn lựa chọn Công Ty Quản Lý Quỹ**

Công Ty Quản Lý Quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

1. Đã được UBCKNN cấp phép hoạt động quản lý Quỹ.
2. Không phải là người có liên quan của Ngân hàng giám sát.
3. Có đầy đủ cơ sở vật chất và nhân sự để thực hiện nghiệp vụ quản lý quỹ mở.
4. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 1 và Phụ lục 3 của Điều lệ này.

#### **Điều 35. Quyền và nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ**

1. Công Ty Quản Lý Quỹ có các nghĩa vụ sau:
  - a. Luôn hoạt động một cách công bằng, trung thực cho Quỹ và vì lợi ích của Nhà đầu tư, tránh xung đột về lợi ích và hành động ngay trong trường hợp không thể tránh được xung đột về lợi ích. Công Ty Quản Lý Quỹ phải đảm bảo rằng nhân sự, tổ chức và Ban Quản trị có năng lực và được cơ cấu để hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà đầu tư, tuân thủ Điều Lệ này, pháp luật hiện hành và thông lệ quốc tế tốt nhất. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ bảo đảm việc ủy quyền trách nhiệm cho bên thứ ba tuân thủ Pháp Luật và không ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Nhà đầu tư. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ tách biệt tài sản của từng Quỹ, tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ với các tài sản của Quỹ và các tài sản khác do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý.
  - b. Tuân thủ các quy định bảo đảm vốn khả dụng theo quy định của Bộ Tài chính.
  - c. Thực hiện hoạt động quản lý quỹ theo quy định của Luật Chứng khoán, Điều lệ quỹ và hợp đồng ký với Ngân hàng giám sát.
  - d. Thực hiện các cam kết của Công Ty Quản Lý Quỹ như được nêu tại Phụ lục 1. Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu trách nhiệm cho những tổn thất đối với Quỹ do mình quản lý trong trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ không tuân thủ Pháp Luật và Điều Lệ này.
  - e. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
2. Công Ty Quản Lý Quỹ có các quyền sau:
  - a. Được hưởng các khoản Giá dịch vụ quản lý như quy định tại Điều Lệ này phù hợp với quy định pháp luật;



- b. Quản lý các quỹ khác trong và/hoặc ngoài Việt Nam và tiến hành các hoạt động kinh doanh khác được Pháp Luật cho phép miễn là Công Ty Quản Lý Quỹ đảm bảo có đủ nguồn lực để quản lý hiệu quả các hoạt động đầu tư của Quỹ.
- c. Tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư và các cuộc họp của Ban Đại Diện Quỹ;
- d. Đề cử ứng viên thích hợp làm thành viên Ban Đại Diện Quỹ để Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu chọn;
- e. Quyết định các khoản đầu tư của Quỹ phù hợp với Điều Lệ này, Bản Cáo Bạch của Quỹ và pháp luật.
- f. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 36. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công Ty Quản Lý Quỹ**

1. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:

- a. Theo đề nghị của Ban đại diện Quỹ và đã được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận;
- b. Bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;
- c. Sáp nhập hoặc hợp nhất với một công ty quản lý quỹ khác;
- d. Quỹ hết thời gian hoạt động;

2. Trong trường hợp quy định tại khoản a, b, c Khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công Ty Quản Lý Quỹ được chuyển giao cho một Công ty quản lý quỹ khác chấp thuận thay thế. Công Ty Quản Lý Quỹ phải nhanh chóng chuyển giao toàn bộ chứng từ và mọi thông tin khác về Quỹ cho Công ty quản lý quỹ thay thế để đảm bảo Công ty quản lý quỹ thay thế có đủ thông tin nhằm thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản pháp lý khác có liên quan.

3. Trước thời điểm dự kiến chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với quỹ tối thiểu sáu (06) tháng, Công Ty Quản Lý Quỹ phải tổ chức họp Đại hội Nhà đầu tư lấy ý kiến về việc chấm dứt quyền, nghĩa vụ đối với quỹ. Sau khi được Đại hội Nhà đầu tư thông qua, Công Ty Quản Lý Quỹ phải thực hiện các thủ tục báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

4. Chi phí bồi thường khi thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ:

Trong trường hợp Quỹ có sự thay đổi công ty quản lý quỹ theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này, Quỹ sẽ phải trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ một khoản chi phí bồi thường (ngoài các khoản giá dịch vụ đã được quy định tại Điều lệ này) theo tỷ lệ như sau:

Chi phí bồi thường	Thời điểm thay thế Công Ty Quản Lý Quỹ
3% NAV	Trong vòng 03 năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động
1,5% NAV	Sau 03 năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động

NAV được sử dụng để tính chi phí bồi thường cho Công Ty Quản Lý Quỹ là NAV bình quân của NAV theo báo cáo NAV của 52 tuần liền trước thời điểm Đại hội Nhà đầu tư thông qua quyết định thay đổi công ty quản lý quỹ được Ngân hàng Giám sát xác nhận.

### **Điều 37. Hạn chế hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ**

1. Công Ty Quản Lý Quỹ không được là người có liên quan của Ngân hàng giám sát, Thành viên hội đồng quản trị hoặc hội đồng thành viên (nếu có), nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, ban kiểm soát (nếu có), chủ tịch công ty, ban điều hành, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ tại các ngân hàng này và ngược lại.
2. Trừ trường hợp Đại hội Nhà đầu tư quyết định khác, người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ được tham gia góp vốn thành lập, giao dịch chứng chỉ quỹ mới mà công ty đang quản lý với các mức giá giao dịch áp dụng như đối với các nhà đầu tư khác theo quy định tại Điều lệ này.
3. Công Ty Quản Lý Quỹ, công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, liên kết, thành viên hội đồng quản trị hoặc hội đồng thành viên, ban kiểm soát (nếu có), ban điều hành, nhân viên của công ty chỉ được mua hoặc bán các tài sản trong danh mục tài sản của quỹ mà công ty đang quản lý theo nguyên tắc sau:
  - a. Giao dịch theo phương thức khớp lệnh tập trung thực hiện thông qua hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán;
  - b. Trường hợp là giao dịch thỏa thuận hoặc tài sản giao dịch không phải là chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên các Sở Giao dịch Chứng khoán thì phải có sự chấp thuận bằng văn bản của Ban Đại diện Quỹ cho phép thực hiện giao dịch. Ý kiến phải thể hiện việc chấp thuận về loại tài sản giao dịch, phí giao dịch, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, thời điểm thực hiện giao dịch, các điều kiện khác (nếu có).
4. Thành viên ban điều hành, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa công ty, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào, ngoài các loại giá dịch vụ, phí và mức giá dịch vụ đã được quy định rõ tại Điều lệ Quỹ.
5. Trong hoạt động quản lý tài sản của quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ bảo đảm:
  - a. Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào quỹ, công ty đầu tư chứng khoán khác do mình quản lý;

b. Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào các khách hàng ủy thác do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý;

c. Không được sử dụng tài sản của quỹ để đầu tư vào chính Công Ty Quản Lý Quỹ; không đầu tư vào tổ chức là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ; không đầu tư vào tổ chức mà thành viên hội đồng quản trị hoặc hội đồng thành viên, thành viên ban điều hành, nhân viên của công ty là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên mười phần trăm (10%) vốn điều lệ;

d. Không được sử dụng tài sản của quỹ để cho vay dưới mọi hình thức, bảo lãnh cho các khoản vay dưới mọi hình thức hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của Công Ty Quản Lý Quỹ, người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức, cá nhân khác;

Quy định này không áp dụng trong trường hợp cho vay dưới hình thức đầu tư tiền gửi tại các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật ngân hàng, hoặc mua trái phiếu được phát hành, giao dịch trái phiếu theo quy định của pháp luật.

e. Không được cam kết, bảo đảm kết quả đầu tư trừ trường hợp đầu tư vào những sản phẩm có thu nhập cố định, không được ký các hợp đồng nhận ủy thác đầu tư vào trái phiếu với lãi suất không phù hợp với thực tế thị trường và kết quả phân tích đầu tư của chính công ty; trực tiếp hay gián tiếp, bù đắp một phần hoặc toàn bộ các khoản thua lỗ của khách hàng ủy thác do hoạt động đầu tư; không được thực hiện các giao dịch nhằm làm giảm lợi nhuận của một khách hàng ủy thác để làm tăng lợi nhuận của một khách hàng ủy thác khác; không được giao kết hợp đồng, thực hiện giao dịch với các điều khoản bất lợi một cách bất hợp lý, không có lý do chính đáng.

6. Trừ trường hợp là kết quả hợp nhất, sáp nhập của các tổ chức phát hành, Công Ty Quản Lý Quỹ chỉ được sử dụng vốn chủ sở hữu và vốn của các khách hàng ủy thác để mua và sở hữu (không tính số cổ phiếu trong danh mục của khách hàng ủy thác là quỹ hoán đổi danh mục) trên hai mươi lăm phần trăm (25%) tổng số cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đại chúng khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Được sự chấp thuận bằng văn bản của các khách hàng ủy thác hoặc đại diện khách hàng ủy thác về việc chào mua công khai, mức giá chào mua, khối lượng tài sản dự kiến chào mua, phương thức phân phối tài sản sau khi thực hiện chào mua;

b) Công quản lý quỹ thực hiện chào mua công khai theo quy định chào mua công khai của pháp luật về chứng khoán.

7. Công Ty Quản Lý Quỹ không được ủy quyền, thuê ngoài các tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam để cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán, quản lý tài sản ủy thác.

8. Các hạn chế khác theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động Công Ty Quản Lý Quỹ.

## CHƯƠNG VII

### NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

#### **Điều 38. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân hàng giám sát**

Ngân hàng Giám sát được chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

1. Ngân hàng Giám sát do Công Ty Quản Lý Quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 98 Luật Chứng khoán;
2. Không được là người có liên quan với Công Ty Quản Lý Quỹ;
3. Có đầy đủ năng lực cung cấp dịch vụ giám sát, lưu ký;
5. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như được nêu tại Phụ lục 2 và Phụ lục 3 của Điều lệ này.

#### **Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát**

1. Nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát:
  - a. Luôn luôn hành động vì lợi ích tốt nhất của các nhà đầu tư quỹ;
  - b. Chịu trách nhiệm đối với những tổn thất gây ra cho Quỹ do những sai sót của ngân hàng;
  - c. Đảm bảo thực hiện giám sát hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ trong việc quản lý tài sản quỹ theo quy định tại Luật chứng khoán, các quy định có liên quan và Điều lệ quỹ;
  - d. Cung cấp các dịch vụ giám sát, lưu ký tài sản của Quỹ theo đúng quy định của pháp luật liên quan, Hợp đồng giám sát và Điều lệ quỹ;
  - e. Quản lý tách biệt tài sản của Quỹ với những tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ, những tài sản của các quỹ khác của cùng một công ty quản lý, những tài sản của những khách hàng khác của Ngân hàng Giám sát và những tài sản của Ngân hàng Giám sát. Trong mọi trường hợp, vốn và tài sản của Quỹ không được sử dụng để thanh toán những khoản nợ của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác ngoài Quỹ;
  - f. Đảm bảo và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản của Quỹ khi ủy thác cho tổ chức lưu ký phụ;
  - g. Giám sát hoặc tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ phù hợp với các quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ, đảm bảo việc tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ là chính xác;
  - h. Xử lý các giao dịch về chứng khoán phù hợp với chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ. Ngân hàng Giám sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu Ngân hàng Giám sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều lệ quỹ. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến Công Ty Quản Lý Quỹ và nếu rõ lý do, bản sao gửi đến UBCKNN;

- i. Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ;
  - j. Thanh toán những khoản chi phí hợp lý, hợp lệ của Quỹ theo chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ, đảm bảo những khoản chi phí đó phù hợp với các quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ;
  - k. Thanh toán tiền cho nhà đầu tư của Quỹ khi Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ của nhà đầu tư hoặc khi Quỹ thanh lý, giải thể thanh toán cho nhà đầu tư và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ theo đúng chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ, đảm bảo rằng những khoản thanh toán được thực hiện phù hợp với các điều khoản của Điều lệ Quỹ;
  - l. Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm xác nhận các báo cáo liên quan đến tài sản và hoạt động của Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ lập hoặc do Tổ chức được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền thực hiện;
  - m. Ngân hàng giám sát thực hiện nghĩa vụ báo cáo và quản lý hồ sơ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ và hợp đồng giám sát;
  - n. Ngân hàng giám sát phải tuân thủ các quy định khác tại Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan, Điều lệ Quỹ và hợp đồng giám sát;
  - o. Không được nhận bất kỳ một lợi ích nào khác (ngoài các khoản giá dịch vụ, phí theo quy định tại Hợp đồng giám sát) cho chính mình hoặc cho người thứ ba.
- 2. Quyền của Ngân hàng Giám sát**
- a. Ngân hàng Giám sát được hưởng các loại giá dịch vụ, phí cung cấp dịch vụ giám sát, bảo quản tài sản quỹ theo Điều lệ Quỹ và phù hợp với các quy định của pháp luật;
  - b. Được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại hội Nhà đầu tư và của Ban đại diện Quỹ.
  - c. Được quyền yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động quản lý tài sản của Quỹ để đảm bảo rằng Ngân hàng Giám sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ theo các quy định của Hợp đồng Giám sát, Điều lệ Quỹ và các quy định khác của pháp luật.

#### **Điều 40. Hoạt động giám sát của Ngân hàng giám sát**

- 1. Phạm vi giám sát chỉ hạn chế trong các hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ có liên quan tới Quỹ mà Ngân hàng thực hiện chức năng giám sát. Trong hoạt động giám sát, Ngân hàng giám sát phải:
  - a. Phối hợp với Công Ty Quản Lý Quỹ định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của quỹ; kiểm tra, giám sát việc xác định giá trị tài sản ròng của

quỹ; bảo đảm giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ này;

b. Kiểm tra, giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ, bao gồm cả các tài sản không phải là chứng khoán đã đăng ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán; kiểm tra, giám sát các giao dịch tài sản giữa Quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ và người có liên quan. Trong trường hợp phát hiện vi phạm các quy định của pháp luật, Ngân hàng giám sát phải báo cáo ngay cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi phát hiện sự việc đồng thời yêu cầu thực hiện sửa lỗi hoặc thực hiện các hoạt động khắc phục hậu quả của các hành vi vi phạm này trong thời hạn quy định;

c. Giám sát việc tổ chức thực hiện và thẩm định kết quả hợp nhất, sáp nhập, giải thể, thanh lý tài sản quỹ;

d. Giám sát, bảo đảm tính hợp pháp và chi thanh toán từ tài sản của Quỹ các khoản chi phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này;

e. Kiểm tra, giám sát các hoạt động khác của Công Ty Quản Lý Quỹ trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo đúng quy định tại Điều 98 Luật Chứng khoán và Điều lệ này.

2. Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm lập và lưu trữ trong thời gian mười (10) năm các hồ sơ, chứng từ dưới dạng văn bản và tệp dữ liệu điện tử nhằm xác nhận việc tuân thủ trong hoạt động của Ngân hàng giám sát đối với Công Ty Quản Lý Quỹ theo các quy định của pháp luật. Các tài liệu này phải được cung cấp theo yêu cầu bằng văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

3. Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức kiểm toán được chấp thuận để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đối với quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

4. Ngân hàng Giám sát có quyền kiểm tra Công Ty Quản Lý Quỹ, rà soát, thẩm định năng lực hệ thống máy tính, phần mềm máy tính, yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ kịp thời cung cấp các quy trình quản lý tài sản, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, sổ tay định giá, quy trình nhận và thực hiện lệnh của nhà đầu tư và các thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động quản lý tài sản của quỹ, để Ngân hàng Giám sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với quỹ theo quy định của pháp luật.

5. Ngân hàng Giám sát được sử dụng các dịch vụ cung cấp bởi công ty kiểm toán và các tổ chức khác để thực hiện quy định tại khoản 4 Điều này. Ngân hàng Giám sát, các tổ chức, cá nhân thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ theo yêu cầu của Ngân hàng Giám sát, có trách nhiệm bảo mật theo quy định của pháp luật đối với mọi thông tin của Công Ty Quản Lý Quỹ, Quỹ và Nhà đầu tư. Biên bản kiểm tra có xác nhận bởi các bên liên quan và các tài liệu đính kèm phải được cung cấp cho Ban Đại diện Quỹ, UBCKNN nếu có yêu cầu bằng văn bản.

6. Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư, Ngân hàng Giám sát phải phối hợp với Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời

và đầy đủ cho nhà đầu tư theo chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ. Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm liên đới và phải đền bù thiệt hại cho nhà đầu tư và Quỹ trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do Ngân hàng Giám sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của Quỹ, xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ và các hoạt động giám sát khác đối với Quỹ theo các quy định của pháp luật. Mức độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo thỏa thuận dân sự giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ không thực hiện các hoạt động nhằm khôi phục vị thế Quỹ trong thời gian quy định tại Thông tư hướng dẫn việc thành lập, tổ chức và hoạt động của công ty quản lý quỹ do Bộ Tài chính ban hành, Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm báo cáo UBCKNN trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày Ngân hàng Giám sát gửi thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ. Trong trường hợp này, Ngân hàng Giám sát có quyền chỉ thực hiện các lệnh, chỉ thị giao dịch hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ mà không dẫn tới cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ vi phạm các quy định của pháp luật và các quy định khác tại điều lệ quỹ.

8. Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Nhà đầu tư, Ngân hàng Giám sát phải phối hợp với Công ty Quản lý Quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ cho Nhà đầu tư theo chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ. Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm liên đới và phải đền bù thiệt hại cho Nhà đầu tư và Quỹ trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do Ngân hàng Giám sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của Quỹ, xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ và các hoạt động giám sát khác đối với Quỹ theo các quy định của pháp luật. Mức độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo thỏa thuận dân sự giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát.

9. Cơ chế phối hợp giữa Ngân hàng giám sát và Công Ty Quản Lý Quỹ trong việc rà soát hoạt động của Đại lý chuyên nhượng thực hiện theo thỏa thuận giữa hai bên, trong đó bảo đảm trách nhiệm của Công Ty Quản Lý Quỹ tuân thủ theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 41. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng Giám sát**

1. Ngân hàng Giám sát chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:

- a) Ngân hàng Giám sát bị chia, tách, giải thể, phá sản, bị hợp nhất, bị sáp nhập, chuyển đổi tư cách pháp nhân hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Luật Chứng khoán;
- b) Ngân hàng Giám sát đề nghị chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình đối với Quỹ và đã được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận.
- c) Quỹ bị giải thể, bị hợp nhất, bị sáp nhập;
- d) Theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư của Quỹ;
- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Trong trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này (ngoại trừ điểm c khoản 1 Điều này), quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng Giám sát được chuyển giao cho một Ngân hàng Giám sát khác phải theo quy định của pháp luật.

## CHƯƠNG VIII

### CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN

#### **Điều 42. Các hoạt động được ủy quyền**

1. Công ty Quản lý Quỹ được ủy quyền cho Ngân hàng Lưu ký, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán cung cấp Dịch vụ quản trị quỹ đầu tư như sau:

- a) Ghi nhận kế toán các giao dịch của Quỹ; ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào quỹ;
- b) Lập báo cáo tài chính Quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của Quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho Quỹ;
- c) Xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản Ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ Quỹ;
- d) Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

2. Công ty Quản lý Quỹ được ủy quyền cho Ngân hàng Lưu ký, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng như sau:

- a) Lập và quản lý sổ chính; mở, theo dõi và quản lý hệ thống các tài khoản của Nhà đầu tư, tài khoản ký danh; xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ mở;
- b) Ghi nhận các lệnh mua, lệnh bán, lệnh chuyển đổi của Nhà đầu tư; chuyển quyền sở hữu chứng chỉ quỹ; cập nhật sổ chính;
- c) Hỗ trợ Nhà đầu tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư;
- d) Tổ chức các cuộc họp ban đại diện quỹ, đại hội nhà đầu tư của quỹ; Duy trì kênh liên lạc với Nhà đầu tư, Đại lý Phân phối, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức có thẩm quyền khác;
- e) Cung cấp cho Nhà đầu tư báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động quỹ, bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, sao kê tài khoản giao dịch, xác nhận giao dịch và các tài liệu khác.
- f) Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký với công ty quản lý quỹ.

#### **Điều 43. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan**

- a) Tiêu chí chung



- (i) Được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam;
  - (ii) Được phép cung cấp các dịch vụ liên quan phù hợp với quy định của pháp luật;
  - (iii) Có năng lực, hệ thống, nhân sự, kinh nghiệm và cách làm việc chuyên nghiệp phù hợp với yêu cầu của Công ty Quản lý Quỹ về cung cấp dịch vụ liên quan.
- b) Tiêu chí kỹ thuật: Tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan phải có bộ phận chuyên trách cung cấp dịch vụ liên quan. Bộ phận chuyên trách này phải tách biệt với các bộ phận còn lại của bên nhận ủy quyền về tổ chức nhân sự, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo, phù hợp với quy định của pháp luật và yêu cầu của Công ty Quản lý Quỹ đối với mỗi dịch vụ có liên quan cụ thể.

#### **Điều 44. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan**

1. Nguyên tắc của hoạt động ủy quyền: Tổ chức nhận ủy quyền phải thực hiện các công việc theo đúng ủy quyền đã giao phù hợp với các quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm trên các công việc mà mình làm.
2. Bộ phận cung cấp dịch vụ của bên nhận ủy quyền phải tách biệt với các bộ phận còn lại của bên nhận ủy quyền về tổ chức nhân sự, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo; toàn bộ chứng từ, sổ sách, cơ sở dữ liệu phải được quản lý độc lập với các bộ phận khác của bên nhận ủy quyền.
3. Yêu cầu về chứng từ, sổ sách, cơ sở dữ liệu: Các chứng từ, sổ sách liên quan đến các dịch vụ được ủy quyền thực hiện phải được tổ chức nhận ủy quyền lưu trữ trong thời hạn quy định của pháp luật. Đồng thời, tổ chức nhận ủy quyền phải có trách nhiệm tạo dựng cơ sở dữ liệu phù hợp với nhu cầu công việc đảm nhận sao cho thuận tiện, đầy đủ và đúng theo yêu cầu do luật định.
4. Bên nhận ủy quyền phải thực hiện các hoạt động nhận ủy quyền một cách hiệu quả, cẩn trọng, có trách nhiệm bảo mật mọi thông tin liên quan tới nhà đầu tư và đối tác của Công Ty Quản Lý Quỹ;
5. Bên nhận ủy quyền có trách nhiệm cung cấp cho Công Ty Quản Lý Quỹ các báo cáo kiểm toán độc lập đối với các nội dung có liên quan tới hoạt động ủy quyền, phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát của Công Ty Quản Lý Quỹ.

#### **Điều 45. Trách nhiệm của Công Ty Quản Lý Quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền**

1. Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của Công Ty Quản Lý Quỹ đối với Quỹ;
2. Trước khi ký kết hợp đồng sử dụng dịch vụ với bên nhận ủy quyền, Công Ty Quản Lý Quỹ phải thẩm định năng lực, cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin của bên nhận ủy quyền, bảo đảm bên nhận ủy quyền có quy trình nghiệp vụ, đủ năng lực về nhân sự và hệ thống để thực hiện các hoạt động được ủy quyền, bao gồm hệ thống kiểm soát nội bộ, trang thiết bị cơ

sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, hệ thống dự phòng thảm họa, hệ thống dự phòng nóng, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn;

3. Định kỳ kiểm tra, giám sát thường xuyên bảo đảm hoạt động đã ủy quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ này, bảo đảm chất lượng dịch vụ cung cấp của bên nhận ủy quyền, phù hợp với tiêu chí và yêu cầu của Quỹ;
4. Công Ty Quản Lý Quỹ được sử dụng tư vấn độc lập, dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức chuyên nghiệp, hoạt động hợp pháp khác để thực hiện trách nhiệm quy định này;
5. Duy trì nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ cần thiết để có đủ khả năng giám sát, nhận diện và quản lý hiệu quả các rủi ro phát sinh từ hoạt động đã ủy quyền;
6. Xây dựng quy trình, hệ thống bảo đảm tại mọi thời điểm Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có thể tiếp cận các thông tin cần thiết để kiểm tra, giám sát các hoạt động ủy quyền, đánh giá và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động ủy quyền;
7. Công Ty Quản Lý Quỹ phải hoàn toàn chịu trách nhiệm phát sinh từ việc ủy quyền. Công Ty Quản Lý Quỹ phải bảo đảm tính liên tục đối với các hoạt động đã ủy quyền, không gián đoạn và gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư;
8. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan cho bên nhận ủy quyền có thể thực thi đầy đủ, kịp thời mọi quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trong hoạt động ủy quyền;
9. Lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác các chỉ thị, yêu cầu, văn bản gửi cho bên nhận ủy quyền để thực hiện các hoạt động ủy quyền;
10. Tối thiểu một năm một lần, Công Ty Quản Lý Quỹ phải lập báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động ủy quyền với các nội dung sau:
  - a. Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của Quỹ;
  - b. Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của Quỹ;
  - c. Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho Công Ty Quản Lý Quỹ);
  - d. Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư.

#### **Điều 46. Chấm dứt hoạt động ủy quyền**

1. Bên nhận ủy quyền chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ đã được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền đối với Quỹ trong các trường hợp sau:

- a. Bên nhận ủy quyền đề nghị chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình;
  - b. Bên nhận ủy quyền chấm dứt hoạt động, bị giải thể, phá sản;
  - c. Theo đề nghị của Công Ty Quản Lý Quỹ;
  - d. Theo đề nghị của Đại hội Nhà đầu tư;
  - e. Quỹ bị giải thể;
  - f. Quỹ sáp nhập, hợp nhất vào một quỹ khác theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư;
  - g. Bên nhận ủy quyền bị thu hồi Giấy phép về lĩnh vực thực hiện;
  - h. Bên nhận ủy quyền hợp nhất hoặc bị sáp nhập bởi Tổ chức khác.
2. Quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Bên nhận ủy quyền chỉ chấm dứt từ thời điểm hoàn tất việc bàn giao quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ cho Bên nhận ủy quyền nhận bàn giao hoặc với Công Ty Quản Lý Quỹ. Bên nhận ủy quyền nhận bàn giao phải lập biên bản bàn giao giữa hai Tổ chức có xác nhận của Công Ty Quản Lý Quỹ.

## CHƯƠNG IX

### ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI

#### **Điều 47. Điều kiện lựa chọn đại lý phân phối Chứng chỉ Quỹ mở**

1. Là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân hàng lưu ký, doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại và tổ chức kinh tế khác. Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại, tổ chức kinh tế khác thì phải làm thủ tục đăng ký hoạt động phân phối Chứng chỉ Quỹ với UBCKNN;
2. Tại thời điểm đăng ký hoạt động, có ít nhất một địa điểm kinh doanh được lựa chọn là địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ đáp ứng quy định pháp luật về yêu cầu của địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ mở;
3. Có quy trình nghiệp vụ phân phối Chứng chỉ Quỹ, bao gồm cả quy trình, thủ tục nhận biết, cập nhật thông tin, biện pháp xác minh thông tin về nhà đầu tư và người được hưởng lợi, quy tắc đạo đức nghề nghiệp áp dụng đối với nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ, quy định nội bộ nhằm ngăn ngừa hành vi giao dịch muợn sau thời điểm nhận lệnh, ngăn ngừa hành vi đầu cơ lợi dụng chênh lệch thời gian, lợi dụng việc định giá sai đơn vị quỹ theo thông lệ quốc tế.
4. Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm thẩm định cơ sở vật chất trước khi lựa chọn đại lý và địa điểm phân phối để cung cấp dịch vụ cho Nhà đầu tư. Báo cáo thẩm định cơ sở vật chất của đại lý, địa điểm phân phối được lưu tại trụ sở Công ty Quản lý Quỹ và cung cấp cho cơ quan quản lý

nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu. Công ty Quản lý Quỹ phải thường xuyên kiểm tra, giám sát báo đảm hoạt động của Đại lý Phân phối là phù hợp với quy định của pháp luật và các điều khoản tại Hợp đồng phân phối.

#### **Điều 48. Hoạt động của đại lý phân phối**

1. Hoạt động của đại lý phân phối bao gồm:
  - a. Tổng hợp đầy đủ thông tin về nhà đầu tư và người được hưởng lợi theo quy định của pháp luật chứng khoán và các quy định về phòng chống rửa tiền và đấu tranh chống tài trợ khủng bố;
  - b. Nhận và chuyển lệnh giao dịch của từng nhà đầu tư tới Tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyên nhượng một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Đại lý phân phối không được tổng hợp, bù trừ lệnh giao dịch, không được trực tiếp nhận tiền và thanh toán giao dịch Chứng chỉ Quỹ cho nhà đầu tư; Đại lý phân phối chỉ được nhận lệnh giao dịch của nhà đầu tư khi phiếu lệnh đã được điền chính xác và đầy đủ các thông tin theo mẫu quy định của pháp luật điều chỉnh. Phiếu lệnh phải được đại lý phân phối lưu trữ theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Đồng thời phải báo đảm ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh từ nhà đầu tư. Trường hợp lệnh nhận qua điện thoại, fax, lệnh giao dịch trực tuyến qua internet hoặc các phương tiện điện tử, đường truyền khác thì tuân thủ theo quy định về giao dịch điện tử và lưu trữ phiếu lệnh theo hình thức tệp dữ liệu điện tử.
  - c. Hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện các thủ tục thay đổi thông tin tại sở chính, xác nhận quyền sở hữu đơn vị quỹ của nhà đầu tư, chuyển quyền sở hữu theo quy định pháp luật;
  - d. Duy trì kênh liên lạc liên tục và thông suốt với nhà đầu tư, đảm bảo cập nhật cho nhà đầu tư một cách chính xác, đầy đủ, và kịp thời mọi thông tin và giải đáp các thắc mắc của nhà đầu tư về sản phẩm quỹ đã chào bán; thống kê, tổng hợp sao kê tài khoản, xác nhận giao dịch theo yêu cầu của nhà đầu tư; cung cấp cho nhà đầu tư bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính của Quỹ, tài liệu về các cuộc họp Đại hội nhà đầu tư, các thông tin khác; thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin theo ủy quyền của Công Ty Quản lý Quỹ;
  - e. Hỗ trợ Công Ty Quản lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư; nhận ủy quyền tham dự và thực hiện quyền biểu quyết theo chỉ thị bằng văn bản của nhà đầu tư;
  - f. Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về nhà đầu tư và các giao dịch của nhà đầu tư. Cung cấp các thông tin này cho Công Ty Quản lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và UBCKNN theo yêu cầu của các tổ chức này.
2. Đại lý phân phối không phải là tổ chức kinh doanh chứng khoán, Ngân hàng lưu ký, ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm thì không được:
  - a) Làm đại lý ký danh;

- b) Đồng thời làm đại lý phân phối cho Công Ty Quản Lý Quỹ khác nếu không được chấp thuận bằng văn bản của Công Ty Quản Lý Quỹ mà mình đang làm đại lý phân phối.
3. Đại lý ký danh được thực hiện các hoạt động theo quy định của pháp luật.

### **Điều 49. Quy định chung về nghiệp vụ phân phối Chứng chỉ Quỹ**

1. Đại lý phân phối, nhân viên phân phối phải tự nguyện, công bằng, trung thực đối với nhà đầu tư, cung cấp đầy đủ, kịp thời mọi thông tin chính xác để nhà đầu tư tự đưa ra quyết định đầu tư. Các thông tin, dữ liệu, dự báo kinh tế cung cấp cho nhà đầu tư phải dựa trên những sự kiện có thực và kèm theo các tài liệu dẫn chiếu do các tổ chức kinh tế tài chính chuyên nghiệp phát hành và đã được công bố công khai. Nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ không được cung cấp các thông tin chưa được kiểm chứng, tin đồn, thông tin sai lệch cho nhà đầu tư.
2. Nhân viên phân phối chỉ chào bán Chứng chỉ Quỹ sau khi nhà đầu tư đã được cung cấp đầy đủ điều lệ quỹ, bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, hợp đồng dẫn chiếu trong bản cáo bạch, các báo cáo mới nhất về hoạt động của Quỹ. Nhân viên phân phối phải giải thích cho nhà đầu tư hiểu được các nội dung tại Điều lệ Quỹ và Bản Cáo Bạch của Quỹ, đặc biệt là mục tiêu và chính sách đầu tư của Quỹ, chiến lược đầu tư của Quỹ để đạt được mục tiêu đầu tư, đặc tính về lợi nhuận và rủi ro, thuế, phí, lệ phí và các chi phí khác.
3. Nhân viên phân phối phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời cho nhà đầu tư mọi thông tin về kết quả hoạt động của Quỹ với hàm ý các kết quả hoạt động trước đó chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường.
4. Nhân viên phân phối không được cung cấp thông tin sai sự thật, khuếch đại sự thật, dễ gây hiểu nhầm, cung cấp không đầy đủ thông tin, đưa ra các dự báo để dụ dỗ hay mời chào nhà đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ, không gây hiểu nhầm về các đặc tính lợi nhuận và rủi ro của Chứng chỉ Quỹ đó. Khi so sánh với các sản phẩm quỹ mở khác, phải chỉ rõ những khác biệt giữa các quỹ để nhà đầu tư lựa chọn. Không được trực tiếp, gián tiếp thực hiện các hành vi nhằm lôi kéo, xúi giục nhà đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ có mức độ rủi ro cao trong trường hợp nhà đầu tư chưa hiểu hết về các rủi ro tiềm ẩn khi đầu tư vào quỹ, hoặc các quỹ đó không phù hợp với mục tiêu đầu tư và năng lực tài chính của nhà đầu tư.
5. Đại lý phân phối, nhân viên phân phối có trách nhiệm bảo mật các thông tin về nhà đầu tư, thông tin về giao dịch của nhà đầu tư, không được sử dụng các thông tin đó với bất kỳ mục đích gì, trừ trường hợp được nhà đầu tư đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.
6. Đại lý phân phối không được chiết khấu, giảm giá giao dịch Chứng chỉ Quỹ dưới bất kỳ hình thức nào; không được tặng quà, sử dụng lợi ích vật chất hay tài chính dưới mọi hình thức để mời chào, dụ dỗ nhà đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ; không được yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa tổ chức, từ Công Ty Quản Lý Quỹ bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận, lợi ích nào để mời chào nhà đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ, ngoài các mức giá dịch vụ, phí đã được công bố tại các bản cáo bạch và tại các hợp đồng phân phối ký với Công Ty Quản Lý Quỹ.

7. Đại lý phân phối không được phân phối Chứng chỉ Quỹ tại các địa điểm kinh doanh chưa đăng ký hoạt động hoặc được cấp phép hoạt động theo quy định của pháp luật hoặc chưa thông báo với UBCKNN. Đại lý phân phối phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hoạt động của các địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ, nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ khi phân phối Chứng chỉ Quỹ cho nhà đầu tư.

8. Công Ty Quản Lý Quỹ, đại lý phân phối hàng năm phải tổ chức đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao trình độ, kiến thức cho đội ngũ nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ. Thông tin về hoạt động đào tạo trong năm của Công Ty Quản Lý Quỹ và Đại lý phân phối phải được gửi kèm trong báo cáo hoạt động hàng năm của Công Ty Quản Lý Quỹ.

## CHƯƠNG X

### KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

#### **Điều 50. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty Kiểm toán**

Hàng năm, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ đề xuất ít nhất hai (02) công ty kiểm toán để trình Đại hội Nhà đầu tư lựa chọn. Trường hợp Đại hội Nhà đầu tư ủy quyền cho Ban đại diện Quỹ theo quy định tại Điều lệ này, Ban đại diện Quỹ thực hiện chọn công ty kiểm toán để tiến hành kiểm toán cho Quỹ. Công ty kiểm toán được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- (i) Có giấy phép được cung cấp dịch vụ kiểm toán do Bộ Tài Chính cấp;
- (ii) Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ kiểm toán;
- (iii) Được UBCKNN cho phép kiểm toán Quỹ đầu tư;
- (iv) Không phải là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân hàng giám sát.

#### **Điều 51. Năm tài chính**

1. Năm tài chính là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp giấy chứng nhận lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm.

2. Trường hợp thời gian từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp giấy chứng nhận lập quỹ/giấy phép thành lập và hoạt động cho đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn 90 ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp giấy chứng nhận lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.

#### **Điều 52. Chế độ kế toán**

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan đến công tác kế toán cho Quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định.

### **Điều 53. Báo cáo tài chính**

1. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính thường kỳ về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Quỹ và các báo cáo cần thiết khác để tường trình hoạt động của Quỹ.
2. Báo cáo tài chính bán niên /báo cáo tài chính hàng năm sẽ được soát xét bán niên/ kiểm toán độc lập hàng năm bởi công ty kiểm toán được lựa chọn. Các bản sao của báo cáo kiểm toán và báo cáo hoạt động của Quỹ phải được gửi đến từng thành viên Ban đại diện Quỹ và công bố công khai trên website của Công Ty Quản Lý Quỹ để nhà đầu tư có thể tham khảo.

### **Điều 54. Báo cáo khác**

Công Ty Quản Lý Quỹ phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật về chế độ báo cáo và công bố thông tin liên quan đến các hoạt động kinh doanh của Quỹ.

## **CHƯƠNG XI**

### **PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ**

#### **Điều 55. Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ**

1. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm xác định giá trị tài sản ròng của quỹ và giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trên cơ sở giá thị trường, hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường) của các tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ.
2. Việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện hoặc do Tổ chức được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền thực hiện và phải có xác nhận của Ngân hàng Giám sát về việc tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ này. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân hàng Giám sát đã được Công Ty Quản Lý Quỹ chấp thuận. Trường hợp bị định giá sai, Ngân hàng Giám sát phải thông báo và yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ điều chỉnh trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ.
3. Trong thời hạn tối đa ba (03) ngày, kể từ ngày định giá, giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ phải được công bố trên các trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, đại lý phân phối và các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
4. Công Ty Quản Lý Quỹ được ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ có

trách nhiệm kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định giá trị tài sản ròng là phù hợp các quy định của pháp luật, giá trị tài sản ròng được tính chính xác.

5. Giá trị tài sản ròng của một đơn vị quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. Giá trị tài sản ròng được làm tròn theo quy định trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán.

6. Giá trị tài sản ròng của Quỹ phải được xác định định kỳ và phải được thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng cho nhà đầu tư sau khi có xác nhận của Ngân hàng Giám sát và có giá trị cho đến khi có thông báo mới.

## **Điều 56. Phương pháp xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ**

1. Phương pháp xác định Giá trị Tài sản Ròng phải tuân thủ pháp luật Việt Nam và được quy định cụ thể tại Phụ lục 4.

2. Giá trị Tài sản ròng của Quỹ (NAV của Quỹ) được xác định bằng Tổng giá trị thị trường các tài sản có trong danh mục trừ đi các khoản nợ phải trả của Quỹ bao gồm các khoản nợ, các nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước Ngày định giá. Trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, hoặc giá thị trường có nhiều biến động theo quy định nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ được sử dụng giá trị hợp lý xác định theo nguyên tắc, phương pháp đã được quy định tại Sổ Tay định giá của Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ xây dựng theo quy định của pháp luật.

3. Giá trị Tài sản ròng của một Đơn Vị Quỹ (NAV của một Đơn Vị Quỹ) bằng Giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá. Giá trị tài sản ròng được làm tròn theo quy định trong lĩnh vực kế toán và kiểm toán. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn giá trị ròng của Quỹ được hạch toán vào Quỹ.

4. Chính sách định giá các tài sản của Quỹ sẽ được quy định chi tiết trong Sổ tay định giá do Công Ty Quản Lý Quỹ xây dựng phù hợp với Điều lệ Quỹ và các quy định có liên quan và đồng thời được Ban Đại diện Quỹ thông qua và được Ngân hàng Giám sát xác nhận.

## **Điều 57. Quy trình định giá tài sản quỹ**

Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan xác định Giá trị Tài sản ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản ròng trên một Đơn Vị Quỹ dựa trên phương pháp định giá được quy định tại Điều 56.

Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ thực hiện việc xác định Giá trị tài sản ròng thì Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định Giá trị Tài sản ròng là phù hợp với các quy định của pháp luật và Giá trị Tài sản ròng được tính chính xác.

Ngân hàng Giám sát xác nhận Giá trị tài sản ròng của Quỹ và Giá trị Tài sản ròng của một Đơn Vị Quỹ. Việc xác nhận giá trị phải được thực hiện bằng văn bản. Trường hợp bị định giá sai bởi Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm thông báo và yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ điều chỉnh kịp thời Giá trị Tài sản ròng của Quỹ trong vòng hai mươi bốn (24) giờ.



## **Điều 58. Đền bù thiệt hại cho nhà đầu tư, quỹ**

Quỹ, nhà đầu tư được đền bù thiệt hại trong trường hợp giá trị tài sản ròng của quỹ bị định giá sai với mức độ sai sót đạt từ 0,75% Giá trị tài sản ròng trở lên.

1. Trong trường hợp Quỹ bị định giá thấp, mức đền bù cho Quỹ và cho nhà đầu tư được xác định như sau:

a. Đối với nhà đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ trước thời gian quỹ bị định giá sai và đã bán Chứng chỉ Quỹ trong thời gian Quỹ bị định giá sai: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng đơn vị quỹ nhà đầu tư đã bán. Chi phí đền bù cho nhà đầu tư được hạch toán vào Quỹ;

b. Đối với Quỹ: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng đơn vị quỹ mà Quỹ đã phát hành trong thời gian bị định giá sai và hiện vẫn còn đang lưu hành. Chi phí đền bù cho Quỹ được hạch toán vào chi phí hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ;

2. Trong trường hợp Quỹ bị định giá cao, mức đền bù cho Quỹ và cho nhà đầu tư được xác định như sau:

a. Đối với nhà đầu tư mua Chứng chỉ Quỹ trong thời gian Quỹ bị định giá sai và tiếp tục sở hữu sau thời gian quỹ bị định giá sai: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng đơn vị quỹ nhà đầu tư đã mua và còn tiếp tục nắm giữ sau thời gian bị định giá sai. Chi phí đền bù cho nhà đầu tư được hạch toán vào Quỹ;

b. Đối với quỹ: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng đơn vị quỹ mà Quỹ đã phát hành ra trước thời gian quỹ bị định giá sai và Quỹ đã mua lại trong thời gian đó. Chi phí đền bù cho Quỹ được hạch toán vào chi phí hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ;

## **Điều 59. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá**

1. Hàng năm, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ xem xét việc lựa chọn và trình Ban Đại diện phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá cho Quỹ. Tổ chức cung cấp báo giá được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- a. Có chức năng và được cấp phép hoạt động cung cấp dịch vụ báo giá.
- b. Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ báo giá.
- c. Không phải là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân hàng Giám sát.

2. Tiêu chí thay đổi tổ chức cung cấp báo giá: Khi có một trong những tiêu chí sau:

- a. Công ty chứng khoán đang báo giá không còn chức năng hoặc không được cấp phép hoạt động cung cấp dịch vụ báo giá.
- b. Công ty chứng khoán đang báo giá trở thành là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân hàng Giám sát.
- c. Có những thay đổi theo quy định của các cơ quan chức năng về phương thức báo giá.

## CHƯƠNG XII

### LỢI NHUẬN VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ

#### Điều 60. Thu nhập của Quỹ

Quỹ có những khoản thu nhập sau:

1. Lãi trái phiếu;
2. Lãi tiền gửi;
3. Thu nhập từ các hoạt động đầu tư của Quỹ; và
4. Các khoản thu nhập khác.

#### Điều 61. Phân phối lợi nhuận

1. Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận đã thực hiện của Quỹ. Việc phân phối lợi nhuận của Quỹ cho Nhà đầu tư sẽ do Ban Đại Diện Quỹ quyết định phù hợp với quy định tại Điều lệ theo đề xuất của Công Ty Quản Lý Quỹ trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Quỹ xác nhận khả năng có thể phân phối lợi nhuận. Công Ty Quản Lý Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định; ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. Lịch trình và kế hoạch thực hiện phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.
2. Hình thức phân chia lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng đơn vị quỹ. Việc phân chia lợi nhuận bằng đơn vị quỹ phải được sự chấp nhận trước Đại hội Nhà đầu tư hoặc được sự chấp nhận của Ban Đại diện Quỹ (nếu Đại hội Nhà đầu tư gần nhất đã ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ quyết định phù hợp với quy định tại Điều lệ Quỹ).
3. Công Ty Quản Lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho Nhà đầu tư.
4. Sau khi phân chia lợi nhuận, Công Ty Quản Lý Quỹ phải gửi cho Nhà đầu tư báo cáo tổng kết việc phân chia lợi nhuận quỹ, bao gồm các nội dung sau:
  - a. Phương pháp phân chia lợi nhuận (bằng tiền hoặc bằng đơn vị quỹ);
  - b. Tổng lợi nhuận trong kỳ và lợi nhuận tích lũy, chi tiết từng hạng mục lợi nhuận;
  - c. Giá trị lợi nhuận được phân chia, số lượng đơn vị quỹ phát hành để phân chia (trong trường hợp chia lợi nhuận bằng đơn vị quỹ);

- d. Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước khi phân chia lợi nhuận và sau khi phân chia lợi nhuận;
- e. Các ảnh hưởng tác động đến giá trị tài sản ròng của Quỹ.
5. Cổ tức Quỹ được chi trả bằng tiền mặt hoặc bằng đơn vị Quỹ. Chỉ những Nhà đầu tư được ghi trong danh sách Nhà đầu tư tại ngày chốt quyền mới được nhận cổ tức. Trường hợp Nhà đầu tư đã chuyển nhượng số Đơn vị Quỹ của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách nhà đầu tư và thời điểm chi trả thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức.

## Điều 62. Chi phí hoạt động của Quỹ

1. Giá dịch vụ Quản Lý Quỹ
- a. Giá dịch vụ Quản lý Quỹ được trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ để thực hiện dịch vụ quản lý quỹ. Giá dịch vụ Quản lý Quỹ được tính theo tỷ lệ phần trăm trên NAV của Quỹ. Giá dịch vụ quản lý Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND là 1,35%NAV/năm (một phẩy ba lăm phần trăm Giá trị tài sản ròng của Quỹ trên năm).

Tổng Giá dịch vụ quản lý quỹ và các chi phí khác mà Quỹ chi trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật.

Trường hợp điều chỉnh Giá dịch vụ Quản lý Quỹ giảm do Công Ty Quản Lý Quỹ quyết định. Trong trường hợp này, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thông báo mức Giá dịch vụ mới với Ban Đại diện Quỹ và Ngân hàng Giám sát đồng thời cập nhật trong Bản Cáo Bạch của Quỹ và công bố thông tin theo quy định của pháp luật. Mức giá mới sẽ được báo cáo Đại hội nhà đầu tư tại phiên họp gần nhất và cập nhật tại Điều lệ quỹ sửa đổi gần nhất.

- b. Số tiền dịch vụ phải trả hàng tháng là tổng số tiền dịch vụ được tính và trích lập cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
- c. Công thức tính Giá dịch vụ quản lý vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Giá dịch vụ quản lý cho kỳ định giá = 1,35% x Giá trị Tài sản ròng tại Ngày định giá x Số ngày thực tế trong kỳ định giá / Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

2. Giá dịch vụ lưu ký, giám sát

Giá dịch vụ lưu ký, giám sát được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng lưu ký, giám sát để thực hiện dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ và giám sát hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ. Giá dịch vụ lưu ký, giám sát được tính theo tỷ lệ phần trăm trên NAV của Quỹ tại ngày định giá

Mức giá dịch vụ lưu ký, giám sát được quy định chi tiết tại phụ lục 5 đính kèm.

Giá dịch vụ lưu ký, giám sát được tính theo công thức như sau:

*Giá dịch vụ lưu ký/giám sát = Mức giá áp dụng \* Giá trị Tài sản Ròng tại ngày định giá \* Số ngày thực tế trong kỳ định giá / Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)*

Mức Giá dịch vụ lưu ký và giám sát sẽ nằm trong khung quy định (nếu có) của pháp luật hiện hành.

Mức giá trên không bao gồm các phí/ giá dịch vụ thông thường khác như giá dịch vụ Ngân hàng lưu ký phải trả cho bên thứ ba như Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, giá dịch vụ giao dịch chứng khoán, phí/giá sửa lệnh...

3. Giá dịch vụ quản trị Quỹ

Giá dịch vụ quản trị quỹ được thanh toán hàng tháng cho Tổ chức cung cấp dịch vụ để thực hiện dịch vụ quản trị quỹ cho Quý. Giá dịch vụ quản trị quỹ được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên Giá trị Tài sản Ròng tại ngày định giá.

Mức giá dịch vụ quản trị Quỹ được quy định chi tiết tại phụ lục 5 đính kèm.

Giá dịch vụ quản trị quỹ được tính theo công thức như sau:

$$\text{Giá dịch vụ quản trị quỹ} = \text{Mức giá áp dụng} * \text{Giá trị Tài sản Ròng tại ngày định giá} * \frac{\text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá}}{\text{Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)}}$$

Mức giá tối thiểu trong tháng sẽ được áp dụng cho quỹ nếu mức giá phải trả theo giá trị tài sản ròng trong tháng ít hơn mức giá tối thiểu đã thống nhất.

4. Giá dịch vụ Đại lý chuyên nhượng và các chi phí khác mà Công ty Quản lý Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan chi tiết tại phụ lục đính kèm.

5. Giá dịch vụ kiểm toán

Giá dịch vụ kiểm toán phụ thuộc vào kết quả lựa chọn và thương lượng với công ty kiểm toán và sẽ được xác định hàng năm vào cuối năm tài chính của Quý.

6. Chi phí Ban Đại diện Quỹ

Các chi phí của Ban Đại diện Quỹ sẽ được tính vào chi phí của Quý. Chi phí này bao gồm các chi phí phát sinh từ hoạt động của Ban Đại diện Quỹ phục vụ cho lợi ích của Quý, các chi phí bảo hiểm đối với trách nhiệm phát sinh cho Ban Đại diện Quỹ khi thực hiện nghĩa vụ của Ban Đại diện Quỹ. Thù lao của các thành viên của Ban Đại diện Quỹ được thông qua tại Đại Hội Nhà Đầu Tư.

7. Chi phí môi giới, chuyển nhượng các giao dịch tài sản của Quý phải trả cho Công ty chứng khoán không bao gồm bất kỳ một loại giá dịch vụ nào khác, kể cả đó là giá dịch vụ phải trả cho dịch vụ khác hoặc giá dịch vụ trả cho bên thứ ba (chi phí ngầm).

8. Chi phí in ấn dự thảo và gửi Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà đầu tư, chi phí công bố thông tin của Quý theo quy định Pháp Luật:

Chi phí phát sinh cho bất kỳ cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư và Ban đại diện Quỹ.

9. Giá dịch vụ định giá độc lập cho các khoản đầu tư cụ thể của Quý (chỉ khi cần thiết), ví dụ như định giá các khoản chứng khoán chưa niêm yết.

10. Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ pháp lý khác.

11. Các chi phí liên quan khác:

- a. Lệ phí xin giấy chứng nhận đăng ký chào bán Chứng Chỉ Quỹ và lệ phí xin giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ nộp cho cơ quan nhà nước;
- b. Chi phí pháp lý liên quan đến hoạt động và các giao dịch của Quỹ và các loại phí/chi phí khác được pháp luật cho phép;
- c. Thuế và các loại giá dịch vụ bắt buộc của Chính phủ áp dụng cho Quỹ; và
- d. Các chi phí khác được pháp luật cho phép.

## CHƯƠNG XIII

### TÀI CƠ CẤU QUỸ

#### **Điều 63. Các điều kiện hợp nhất, sáp nhập**

1. Việc hợp nhất, sáp nhập quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp pháp luật quy định và được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận.
2. Việc hợp nhất, sáp nhập quỹ phải được UBCKNN chấp thuận.

#### **Điều 64. Các điều kiện tách quỹ**

1. Việc tách quỹ phải được Đại hội nhà đầu tư chấp thuận và trong các trường hợp sau:
  - a. Công Ty Quản Lý Quỹ không thể xác định giá trị tài sản ròng của quỹ mở vào ngày định giá mua lại chứng chỉ quỹ mở do Sở giao dịch chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của quỹ;
  - b. Các sự kiện khác mà UBCKNN xét thấy là cần thiết.
2. Việc tách quỹ phải được UBCKNN chấp thuận.

#### **Điều 65. Các điều kiện giải thể Quỹ**

1. Việc giải thể Quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp sau đây:
  - (i) Công Ty Quản Lý Quỹ bị giải thể, bị phá sản, Giấy phép thành lập và hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ bị thu hồi mà không xác lập được Công Ty Quản Lý Quỹ thay thế trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày xảy ra sự kiện giải thể, phá sản hoặc Giấy phép bị thu hồi;
  - (ii) Công Ty Quản Lý Quỹ đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ mà không xác lập được Công Ty Quản Lý Quỹ thay thế trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày công bố đề nghị của Công Ty Quản Lý Quỹ;

- (iii) Ngân hàng Giám sát bị giải thể, bị phá sản, Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng Giám sát bị thu hồi mà không xác lập được Ngân hàng Giám sát thay thế trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày xảy ra sự kiện giải thể, phá sản hoặc Giấy phép bị thu hồi;
  - (iv) Ngân hàng Giám sát đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ mà không xác lập được Ngân hàng Giám sát thay thế trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày công bố đề nghị của Ngân hàng Giám sát;
  - (v) Giá trị tài sản ròng của Quỹ xuống dưới mười (10) tỷ liên tục trong sáu (06) tháng;
  - (vi) Giải thể quỹ theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư.
2. Việc giải thể Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật.

## CHƯƠNG XIV

### GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH

**Điều 66. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các quỹ khác, các khách hàng đầu tư uỷ thác của Công Ty Quản Lý Quỹ và giữa Quỹ và Công Ty Quản Lý Quỹ**

1. Công Ty Quản Lý Quỹ phải:
  - (i) Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý;
  - (ii) Tách biệt tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ với tài sản của các quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý, tài sản của nhà đầu tư uỷ thác; tách biệt tài sản của các quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý.
2. Tất cả các giao dịch chứng khoán của Chủ tịch Công Ty Quản Lý Quỹ, thành viên Ban Tổng giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, Kiểm soát viên, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật hiện hành.
3. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công Ty Quản Lý Quỹ.

## CHƯƠNG XV

### CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ THAY ĐỔI ĐIỀU LỆ

#### **Điều 67. Công bố thông tin**

1. Việc công bố thông tin liên quan đến hoạt động của Quỹ sẽ được Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
2. Thông báo triệu tập phiên họp Ban đại diện Quỹ được xem là truyền đạt đến mỗi thành viên Ban đại diện Quỹ nếu được thông báo trực tiếp cho thành viên Ban đại diện hoặc được gửi bằng văn bản đến địa chỉ do thành viên Ban đại diện Quỹ đã thông báo cho Quỹ.
3. Báo cáo bạch, báo cáo bạch tóm tắt; báo cáo tài chính đã kiểm toán; báo cáo tài chính bán niên; báo cáo hoạt động của Quỹ hàng tháng, bán niên, hàng năm sẽ được cung cấp miễn phí cho nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử (website) của Công Ty Quản Lý Quỹ và hệ thống đại lý phân phối, hoặc gửi trực tiếp qua thư điện tử cho nhà đầu tư.
4. Thư triệu tập, thông báo, mệnh lệnh, hoặc tài liệu cần gửi cho Quỹ hoặc người điều hành của Quỹ có thể gửi bằng cách giao thẳng hoặc gửi qua bưu điện đến địa chỉ của văn phòng do Quỹ đã đăng ký, trong một phong bì có dán tem ghi tên Quỹ hay người điều hành quỹ nhận.
5. Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện việc công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

#### **Điều 68. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ**

1. Điều lệ này sẽ được sửa đổi và bổ sung nếu được thông qua bằng Nghị Quyết của Đại hội Nhà đầu tư phù hợp với quy định của Điều lệ.
2. Quy định tại Khoản 1 của Điều này sẽ không áp dụng cho các sửa đổi đối với:
  - a. Bất cứ nội dung nào của Điều lệ này nếu việc sửa đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh đó do sự thay đổi của quy định của pháp luật: Khi các quy định của pháp luật thay đổi làm bất cứ nội dung nào trong Điều lệ này có thay đổi theo, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ sửa đổi nội dung có liên quan đó mà không cần phải có nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư.
  - b. Chính sửa lỗi chính tả, số thứ tự của các chương hoặc điều phát sinh từ sự thay đổi của Điều lệ đã được Đại hội Nhà đầu tư thông qua: Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ sửa đổi khi những lỗi đó hoặc những thay đổi đó được phát hiện hoặc trở nên cần thiết.
3. Bất cứ sửa đổi bổ sung nào đối với Điều Lệ, bao gồm cả các sửa đổi bổ sung theo quy định tại Khoản 2 của Điều này sẽ phải báo cáo tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ lưu hồ sơ tất cả các sửa đổi của Điều Lệ này.

4. Trong trường hợp phát sinh những vấn đề chưa được dự liệu trong Điều lệ này thì cơ sở để giải thích, giải quyết những vấn đề đó là các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các quy định pháp luật có liên quan khác.

#### **Điều 69. Điều khoản thi hành**

Quỹ được chính thức thành lập sau khi UBCKNN cấp giấy đăng ký lập Quỹ Công Ty Quản Lý Quỹ chịu trách nhiệm hoàn tất mọi thủ tục hồ sơ theo đúng quy định của pháp luật.

#### **Điều 70. Đăng ký điều lệ**

1. Điều lệ này gồm 15 Chương, 70 Điều và 05 Phụ lục.
2. Các Nhà đầu tư, Ban Đại diện Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát và các bên có liên quan có nghĩa vụ tuân thủ Điều lệ này.
3. Các bản trích lục hoặc bản sao của Điều lệ này chỉ có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ hoặc người đại diện hợp pháp của công ty quản lý quỹ.
4. Điều lệ này được lập thành 05 (năm) bản có giá trị như nhau:
  - a) 01 (một) bản để báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
  - b) 03 (ba) bản được lưu tại Công ty Quản lý Quỹ; và
  - c) 01 (một) bản được lưu tại Ngân hàng Giám sát.

Đính kèm cùng Điều lệ các phụ lục sau:

PHỤ LỤC 1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

PHỤ LỤC 2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

PHỤ LỤC 3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

PHỤ LỤC 4: SỔ TAY ĐỊNH GIÁ

PHỤ LỤC 5: GIÁ DỊCH VỤ LƯU KÝ GIÁM SÁT VÀ GIÁ DỊCH VỤ ỦY QUYỀN

**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ  
ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN IPA  
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Hồ Nga



## PHỤ LỤC 1

### CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

#### CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN IPA

Giấy Phép Thành Lập Và Hoạt Động số 30/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 04/03/2008

Trụ sở chính: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024 39410 510

Fax: 024 39410 500

Công Ty Quản Lý Quỹ IPA cam kết thực hiện các điều sau đây đối với Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND:

1. Tuân thủ pháp luật và Điều lệ trong hoạt động quản lý Quỹ;
2. Thực hiện các nhiệm vụ quản lý Quỹ một cách hiệu quả, trung thực, tận tụy và phù hợp với các mục tiêu đầu tư của Quỹ, ưu tiên quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư;
3. Đảm bảo rằng Quỹ luôn có Ngân hàng Giám sát tại mọi thời điểm;
4. Đảm bảo rằng Ban đại diện Quỹ được thông báo về tất cả các thông tin có liên quan tới Quỹ được điều chỉnh bởi Điều lệ này;
5. Thanh toán tất cả các khoản giá dịch vụ cho Ngân hàng Giám sát và các nhà cung cấp dịch vụ khác như quy định tại Điều lệ;
6. Cung cấp các tài liệu và giấy tờ cho Ngân hàng Giám sát bao gồm các báo cáo tình hình hoạt động và báo cáo tài chính của Quỹ, Sổ Đăng ký và số lượng Đơn Vị Quỹ mà Nhà đầu tư nắm giữ, báo cáo liên quan đến Quỹ hoặc liên quan đến tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ, bản đánh giá NAV của Quỹ, NAV trên một Đơn Vị Quỹ và các thông tin liên quan đến hoạt động quản lý quỹ và nghĩa vụ khác;
7. Cung cấp các tài liệu và giấy tờ cho các nhà cung cấp dịch vụ khác để hỗ trợ các nhà cung cấp này hoàn thành việc cung cấp dịch vụ theo quy định của Pháp Luật hoặc nếu nhà cung cấp có yêu cầu;
8. Cung cấp cho Nhà đầu tư bản in của Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ, báo cáo thường niên và các báo cáo khác của Quỹ, báo cáo thường niên của Ngân hàng Giám sát về công tác quản lý Quỹ của Công Ty Quản Lý Quỹ và tất cả các sửa đổi và bổ sung và các tài liệu có liên quan khác nếu Nhà đầu tư yêu cầu;
9. Không đầu tư vào các chứng khoán hoặc tài sản mà Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc người liên quan có quyền lợi trong đó hoặc có liên quan đến các lợi ích đó trừ khi được Pháp Luật cho phép;

10. Luôn luôn hoạt động vì lợi ích của Nhà đầu tư và không lợi dụng vị thế là Công Ty Quản Lý Quỹ để thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc người có liên quan hoặc làm tổn hại đến lợi ích của Nhà đầu tư;
11. Đảm bảo việc định giá và kế toán của các Quỹ là chân thực, chính xác và đúng thời hạn;
12. Đảm bảo rằng tất cả các thông tin được công bố bởi Công Ty Quản Lý Quỹ là hoàn chỉnh, trung thực và chính xác và không bỏ sót những sự kiện ảnh hưởng đến quyền lợi của Nhà đầu tư hoặc những sự kiện ảnh hưởng đến nội dung của các thông tin được công bố nêu trên hoặc các thông tin phải công bố theo quy định của Pháp Luật và không gây hiểu nhầm cho Nhà đầu tư;
13. Luôn hoạt động vì lợi ích của Nhà đầu tư và không lợi dụng vị thế của mình để thực hiện các giao dịch vi phạm Pháp Luật và thông lệ chuyên nghiệp quốc tế tốt nhất;
14. Cung cấp các thông tin cần thiết để tổ chức kiểm toán độc lập của quỹ có thể thực hiện nhiệm vụ kiểm toán hiệu quả và kịp thời;
15. Báo cáo kịp thời cho Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước trong trường hợp đối chiếu tài sản có/nợ của Quỹ giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát không thống nhất;
16. Thực hiện nghĩa vụ triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư theo quy định của pháp luật.

**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ  
ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN IPA**



## PHỤ LỤC 2

### CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

#### Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành

Giấy phép hoạt động: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 cấp lần đầu ngày 12/09/2003, thay đổi lần mười (10) ngày 20/05/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán: 510/QĐ-ĐKHĐLK ngày 01/08/2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

#### Ngân hàng Giám sát cam kết:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ Quỹ trong hoạt động giám sát.
2. Đảm bảo cho Quỹ luôn luôn có một Công ty Quản lý Quỹ tại mọi thời điểm.
3. Thực hiện một cách tận tụy, trung thực và thận trọng các chức năng Ngân hàng Giám sát đối với Quỹ.
4. Thực hiện lưu ký, thanh toán, bảo quản và giám sát tất cả các tài sản, chứng khoán của Quỹ thay cho các Nhà đầu tư; thực hiện việc đối chiếu tài sản có/nợ của Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ theo định kỳ ít nhất một tháng một lần và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nếu như tình trạng tài sản có/nợ là không thống nhất giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát.
5. Tách biệt tài sản của Quỹ khỏi tài sản của Ngân hàng Giám sát, tài sản của Công ty Quản lý Quỹ và tài sản của các Quỹ khác, tài sản của các khách hàng khác của Ngân hàng Giám sát.
6. Giám sát danh mục đầu tư của Quỹ, việc định giá tài sản Quỹ, việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, xác định giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ theo các quy định của pháp luật hiện hành và theo quy định tại Điều lệ Quỹ.
7. Đảm bảo nghĩa vụ giám sát để Công ty Quản lý Quỹ không lợi dụng vị thế quản lý Quỹ của mình thực hiện các hoạt động thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho Công ty Quản lý Quỹ hoặc những người có liên quan làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà đầu tư.
8. Đảm bảo Quỹ được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập hàng năm.

#### NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM – CHI NHÁNH HÀ THÀNH

**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
  
**Vũ Thu Hương**

### PHỤ LỤC 3

#### CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

**Công Ty TNHH MTV Quản Lý Quỹ đầu tư Chứng khoán IPA**

Giấy phép số 30/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 04/03/2008

**Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành**

Giấy phép hoạt động: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 cấp lần đầu ngày 12/09/2003, thay đổi lần mười (10) ngày 20/05/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán: 510/QĐ-ĐKHĐLK ngày 01/08/2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

**Công ty Quản lý Quỹ IPA và BIDV Hà Thành cùng cam kết:**

Cùng cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo vệ lợi ích cho các Nhà đầu tư.

Cùng cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ trong suốt thời gian hoạt động của Quỹ.

Cùng cam kết thực hiện quyền bỏ phiếu phát sinh liên quan đến việc sở hữu các cổ phiếu/vốn góp mà Quỹ đã đầu tư theo tinh thần và vì lợi ích của người đầu tư tại Đại hội đồng cổ đông của các tổ chức phát hành hoặc tại Hội đồng thành viên của doanh nghiệp Quỹ góp vốn.

Cùng cam kết không nhận bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ hoặc giao dịch các tài sản khác không được quy định rõ trong Điều lệ Quỹ hoặc Bản cáo bạch.

**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ  
QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN IPA**

**NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT  
TRIỂN VIỆT NAM – CHI NHÁNH HÀ THÀNH**



## PHỤ LỤC 4

### SỔ TAY ĐỊNH GIÁ

#### I. Nguyên tắc chung của việc định giá các tài sản đầu tư của Quỹ

Việc định giá các tài sản đầu tư của Quỹ phải tuân theo các nguyên tắc sau:

- Định giá tài sản trên nguyên tắc định giá thị trường, phản ánh sát nhất với giá trị của các tài sản của Quỹ Đầu tư Trái phiếu VND.
- Việc định giá phải đảm bảo được thực hiện theo các quy định, quy trình, nguyên tắc, phương pháp định giá phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều Lệ Quỹ, quy định tại Sổ Tay Định Giá cũng như phù hợp với thông lệ quốc tế và điều kiện thị trường Việt Nam.
- Việc thay đổi nguyên tắc, phương pháp định giá để phù hợp với điều kiện thị trường Việt Nam sẽ được IPAAM đề xuất để cấp có thẩm quyền theo Điều Lệ Quỹ thông qua.

#### II. Tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá

- Hàng năm, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ xem xét việc lựa chọn và trình Ban Đại diện quỹ phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá cho Quỹ. Tổ chức cung cấp báo giá được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:
  - Có chức năng và được cấp phép hoạt động cung cấp dịch vụ báo giá.
  - Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ báo giá.
  - Không phải là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân hàng giám sát.
- Tiêu chí thay đổi tổ chức cung cấp báo giá: Khi có một trong những tiêu chí sau:
  - Công ty chứng khoán đang báo giá không còn chức năng hoặc không được cấp phép hoạt động cung cấp dịch vụ báo giá.
  - Công ty chứng khoán đang báo giá trở thành là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân hàng giám sát.
  - Có những thay đổi theo quy định của các cơ quan chức năng về phương thức báo giá.

#### III. Phương pháp xác định Giá trị tài sản của Quỹ

##### a. Giá trị tài sản

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ</b>		
1.	Tiền (VND)	Số dư tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn tại ngày trước Ngày định giá
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước Ngày định giá
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước Ngày định giá

4.	Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày định giá
<b>Trái phiếu</b>		
5.	Trái phiếu niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá thị trường là giá yết cuối ngày (*) (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày định giá cộng lãi lũy kế nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế;</li> <li>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến Ngày định giá, là một trong các mức giá sau:           <ul style="list-style-type: none"> <li>• Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc</li> <li>• Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc</li> <li>• Giá xác định theo Phương pháp đã được Ban Đại diện quỹ chấp thuận</li> </ul> </li> </ul> <p><b><u>Ghi chú:</u></b></p> <p><i>(*) Trong trường hợp tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày định giá có nhiều hơn một giao dịch của trái phiếu cần định giá (dẫn đến có nhiều giá yết), giá sử dụng là trung bình cộng của các giá yết đã thực hiện trong ngày đó.</i></p>
6.	Trái phiếu không niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá yết (*) (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cố định phiếu tính tới ngày trước Ngày định giá;</li> <li>- Trong trường hợp không có giá yết trên hệ thống báo giá là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau:           <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giá mua cộng lãi lũy kế;</li> <li>+ Mệnh giá cộng lãi lũy kế.</li> <li>+ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện quỹ chấp thuận</li> </ul> </li> </ul> <p><b><u>Ghi chú:</u></b></p> <p><i>(*) Trong trường hợp tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày định giá có nhiều hơn một giao dịch của trái phiếu cần định giá (dẫn đến có nhiều giá yết),</i></p>

		<i>giá sử dụng là bình quân của các giá yết đã thực hiện trong ngày đó.</i>
<b>Cổ phiếu</b>		
7.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá thị trường là Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày định giá;</li> <li>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến Ngày định giá thì giá cổ phiếu được sử dụng để định giá là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giá mua; hoặc</li> <li>+ Giá trị sổ sách.</li> <li>+ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện quỹ chấp thuận.</li> </ul> </li> </ul>
8.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá thị trường là Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày định giá;</li> <li>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến Ngày định giá thì giá cổ phiếu được sử dụng để định giá là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giá mua; hoặc</li> <li>+ Giá trị sổ sách.</li> <li>+ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện quỹ chấp thuận.</li> </ul> </li> </ul>
9.	Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá thị trường là Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày định giá;</li> <li>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến Ngày định giá thì giá cổ phiếu được sử dụng để định giá là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giá mua; hoặc</li> <li>+ Giá trị sổ sách</li> <li>+ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện quỹ chấp thuận.</li> </ul> </li> </ul>

10.	Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch	<p>- Giá trị trung bình các giao dịch thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá dựa trên báo giá của tối thiểu 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan được Ban Đại diện quỹ lựa chọn tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá.</p> <p>- Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu 03 tổ chức báo giá là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giá trung bình từ 02 tổ chức báo giá; hoặc</li> <li>+ Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến Ngày định giá;</li> <li>+ Giá mua; hoặc</li> <li>+ Giá trị sổ sách.</li> <li>+ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện quỹ chấp thuận.</li> </ul>
11.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	<p>Là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giá trị sổ sách; hoặc</li> <li>+ Mệnh giá; hoặc</li> <li>+ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện quỹ chấp thuận.</li> </ul>
12.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	<p>Là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước Ngày định giá; hoặc</li> <li>+ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện quỹ chấp thuận theo từng trường hợp cụ thể.</li> </ul>
13.	Cổ phần, phần vốn góp khác	<p>Là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc</li> <li>+ Giá trị sổ sách; hoặc</li> <li>+ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện quỹ chấp thuận.</li> </ul>
<b>Chứng khoán phái sinh</b>		
14.	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa tại ngày giao dịch trước gần nhất trước Ngày định giá



15.	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng 2 tuần trở lên	Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện quỹ chấp thuận theo từng trường hợp cụ thể.
<b>Các tài sản khác</b>		
16.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện quỹ chấp thuận theo từng trường hợp cụ thể.

**Ghi chú:**

- *Lãi lũy kế là: khoản lãi tính từ ngày trả lãi gần nhất tới ngày trước Ngày định giá;*
- *Giá trị sổ sách (book value) của một Cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét;*
- *Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá trái phiếu (Reuters/ Bloomberg/ VNBF/ VBMA...) để tham khảo;*
- *Ngày được hiểu là ngày theo lịch dương.*

**b. Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh**

(1) Giá trị cam kết (global exposure) là giá trị quy đổi ra tiền mà quỹ là bên có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế.

(2) Khi tính giá trị cam kết, công ty quản lý quỹ được áp dụng:

- Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh (trái chiều) đối với cùng một chứng khoán cơ sở, ví dụ vị thế mua quyền chọn mua chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
- Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một chứng khoán, ví dụ vị thế mua (nắm giữ) chứng khoán XYZ bù trừ (làm giảm bớt) giá trị cam kết phát sinh từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;

Các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, bảo đảm quản trị được rủi ro.

STT	Loại tài sản	Giá trị cam kết
1	Quyền chọn cổ phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn <sup>1</sup> điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × Khối lượng cổ phiếu trên mỗi hợp đồng × giá thị trường hiện tại của cổ phiếu × hệ số delta <sup>2</sup>

<sup>1</sup> Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

<sup>2</sup> Hệ số delta là đạo hàm bậc nhất của giá quyền chọn đối với giá chứng khoán cơ sở. Trong trường hợp đơn giản, hệ số delta có thể coi bằng 1. Trong các trường hợp quyền chọn phức tạp, hệ số delta do công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát xác định sau khi đã được Ban Đại diện quỹ chấp thuận

2	Quyền chọn trái phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn <sup>3</sup> điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × mệnh giá × giá thị trường hiện tại của trái phiếu × hệ số delta
3	Hợp đồng tương lai chỉ số	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị tính trên một điểm chỉ số × mức chỉ số hiện tại
4	Hợp đồng tương lai trái phiếu	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng × giá trị của hợp đồng tính theo mệnh giá (notional) × giá trị thị trường của trái phiếu rẻ nhất có thể chuyển giao
5	Các hợp đồng khác	Theo mô hình do Công ty quản lý quỹ lựa chọn, thống nhất cùng ngân hàng giám sát, và được Ban Đại diện quỹ chấp thuận

#### IV. Phương pháp xác định NAV và NAV/ICCG

- a. **Giá trị tài sản ròng (NAV):** là tổng giá trị các tài sản do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ có liên quan (như phải trả mua chứng khoán, phải trả phí quản lý, phí giám sát, phí môi giới, phí lưu ký, phí hành chính, phí định giá,...) tại ngày trước Ngày định giá.

**Giá trị tài sản ròng của quỹ (NAV) = Tổng tài sản có của Quỹ - Tổng nợ phải trả của Quỹ**

*Trong đó:*

- Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường hoặc giá thị trường có nhiều biến động bất thường, giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo các phương pháp nêu tại mục III và đã được Ban Đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản.)
- Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc các nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày trước Ngày định giá. Phương thức xác định giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán phải được Ngân hàng Giám sát xác nhận là phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan.

- b. **Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ (NAV/CCQ)** bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch trước Ngày định giá, và được làm tròn xuống đến 2 chữ số thập phân.

Giá trị Tài sản Ròng được làm tròn theo quy định trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ được hạch toán vào Quỹ.

#### V. Quy trình định giá

1. Trước Ngày định giá:

Các nghiệp vụ hàng ngày sẽ được cập nhật ngay khi phát sinh bao gồm:

- Các nghiệp vụ mua, bán chứng khoán trong ngày;

<sup>3</sup> Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

- Các nghiệp vụ thanh toán chi phí/giá dịch vụ liên quan đến Quỹ, các hợp đồng gửi tiền có kỳ hạn;
  - Các thông tin về quyền, cổ tức, cổ phiếu thưởng phát sinh liên quan đến chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ;
  - Các nghiệp vụ kế toán ghi nhận giao dịch mua/mua lại Chứng Chỉ Quỹ sau ngày giao dịch cuối cùng gần nhất;
  - Hàng tuần đối chiếu số dư tiền và chứng khoán tại ngân hàng lưu ký;
  - Hàng tuần đối chiếu số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành với Đại lý chuyển nhượng;
  - Trích lập các khoản dự thu như lãi tiền gửi, lãi trái phiếu, cổ tức tính đến ngày trước Ngày Định Giá;
  - Trích lập các khoản dự chi như giá dịch vụ quản lý, giá dịch vụ ngân hàng lưu ký giám sát, giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng, giá dịch vụ quản trị quỹ và các chi phí/giá dịch vụ khác liên quan đến hoạt động của Quỹ... tính đến ngày trước Ngày Định Giá;
  - Thu thập giá chứng khoán giao dịch trên trang web của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, Hồ Chí Minh, từ các Công ty chứng khoán, các hệ thống báo giá (Bloomberg/Reuters/VNBF...), thu thập dữ liệu lãi suất trái phiếu trên Bloomberg, hoặc Reuters, và các nguồn có liên quan dùng để định giá chứng khoán tính đến ngày trước Ngày Định Giá;
  - Thực hiện đánh giá lại chứng khoán trong danh mục đầu tư.
2. Tại ngày sau Ngày định giá
- Công ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát xác nhận NAV trên một Đơn Vị Quỹ;
  - Công ty Quản Lý Quỹ Công bố NAV trên một Đơn Vị Quỹ.
3. Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc sau Ngày giao dịch Chứng Chỉ Quỹ:
- Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại Lý Chuyển Nhượng tính toán kết quả giao dịch Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư.
  - Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại Lý Chuyển Nhượng sẽ cập nhật đầy đủ thông tin về số hữu sau giao dịch của Nhà Đầu Tư tại Sổ Đăng Ký và cung cấp thông tin cho Đại Lý Phân Phối để gửi bản xác nhận giao dịch cho Nhà Đầu Tư.
4. Trong thời gian năm (05) ngày làm việc sau ngày giao dịch Chứng Chỉ Quỹ:
- Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại Lý Chuyển Nhượng sẽ chuyển tiền mua lại Chứng Chỉ Quỹ theo đăng ký thông tin tài khoản của Nhà Đầu Tư.

## PHỤ LỤC 5

### GIÁ DỊCH VỤ LƯU KÝ GIÁM SÁT VÀ GIÁ DỊCH VỤ ỦY QUYỀN

#### I. Giá dịch vụ Lưu ký và Giám sát

Sr	Loại Giá dịch vụ	Mức Giá	Tối thiểu / Tối đa	Ghi chú
<b>A.I Giá dịch vụ lưu ký, giám sát</b>				
A.1.1	Giá dịch vụ Lưu ký	0,05%/NAV/Năm	Tối thiểu 20.000.000 đồng/tháng	
A.1.2	Giá dịch vụ Giám sát	0,02%/NAV/Năm	Tối thiểu 5.000.000 đồng/tháng	Thuế VAT 10%
<b>A.II Giá dịch vụ lưu ký xử lý hồ sơ</b>				
A.2.1	Đối với giao dịch cổ phiếu niêm yết/dăng ký giao dịch	0,03% giá trị giao dịch	Tối thiểu 100.000 đồng/ngày giao dịch Tối đa 10.000.000 đồng/ngày giao dịch	
A.2.2	Đối với giao dịch trái phiếu niêm yết	0,01% giá trị giao dịch		
A.2.3	Đối với các giao dịch mua bán chứng khoán OTC và các tài sản khác	100.000 đồng/giao dịch		
<b>A.III Giá dịch vụ lưu ký, chuyển khoản của VSD (Giá dịch vụ của bên thứ 3)</b>				
A.3.1	Giá dịch vụ lưu ký	0,3 đồng/cổ phiếu, CCQ/tháng; 0,2 đồng/trái phiếu/tháng	Tối đa: 2.000.000 đồng/tháng/mã trái phiếu	Giá dịch vụ lưu ký và Giá dịch vụ chuyển khoản được tính theo biểu giá dịch vụ của Bộ Tài chính quy định trong từng thời kỳ. Khi Bộ Tài chính thay đổi biểu Giá dịch vụ thì khoản mục này sẽ thay đổi tương ứng
A.3.2	Giá dịch vụ chuyển khoản thực hiện giao dịch	0,5 đồng/chứng khoán/ 1 lần chuyển khoản/ 1 mã	Tối thiểu: Không áp dụng Tối đa: 500.000 đồng/lần/mã CK	
A.3.3	Các khoản Giá dịch vụ VSD thu của thành viên liên quan trực tiếp đến hoạt động của Quỹ	Theo mức phát sinh cụ thể		
<b>A.IV Giá dịch vụ Quản trị Quỹ</b>				
A.4.1	Giá dịch vụ Quản trị Quỹ	0,03%/NAV/năm	Tối thiểu 15.000.000 đồng/tháng	Thuế VAT 10%

**Ghi chú:** Biểu Giá dịch vụ trên chưa bao gồm VAT (nếu có), được tính trên cơ sở 1 năm có 365 ngày và chưa bao gồm phí thanh toán, Giá dịch vụ tài khoản (duy trì TK, internet banking...) phục vụ cho hoạt động của Quỹ và phân phối cổ tức.

## 2. Giá dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng

Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cung cấp dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng cho Quý với mức Giá dịch vụ như sau:

Giá dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng:

Sst	Loại tiền dịch vụ	Mức phí (*)
1	Tiền cố định hàng tháng	10.000.000 đồng/tháng
2	Tiền thiết lập, duy trì thông tin - Thiết lập dữ liệu ĐLPP, NHGS - Thiết lập dữ liệu nhà đầu tư - Duy trì thông tin tài khoản nhà đầu tư	Miễn phí
3	Tiền kết nối - Khởi tạo kết nối lần đầu - Duy trì kết nối hàng tháng	Miễn phí
4	Tiền cung cấp thông tin - Thông tin giao dịch hàng ngày - Thông tin kết quả giao dịch tại các ngày giao dịch - Thông tin về số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành - Thông tin danh sách nhà đầu tư sở hữu chứng chỉ quỹ	Miễn phí
5	Tiền thực hiện quyền - Lập danh sách thực hiện quyền - Phân phối lợi tức	1.000.000 đồng/lần lập danh sách Miễn phí

(\*) Chưa bao gồm thuế VAT

### Phí khác

Tiền gửi thư cho Nhà đầu tư sẽ được Công ty Quản lý Quỹ trả cho VSD theo thực tế phát sinh do VSD gửi cho Công ty Quản lý Quỹ kèm theo tài liệu chứng minh.

Trường hợp có yêu cầu cung cấp thông tin đặc thù theo yêu cầu hoặc các công việc khác, mức tiền Công ty Quản lý Quỹ trả cho VSD đối với các dịch vụ này được thực hiện trên cơ sở vẫn bàn thỏa thuận đã được hai bên thống nhất.